|  |  |
| --- | --- |
| QUỐC HỘI Luật số: /2025/QH15  **(Dự thảo 2)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**LUẬT PHÁ SẢN**

**(sửa đổi)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Phá sản.*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Mục 1**

**NHIỆM VỤ, HIỆU LỰC VÀ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (Sửa đổi, bổ sung Điều 1)**

Luật này quy định về trình tự, thủ tục nộp đơn, thụ lý và mở thủ tục ***phục hồi,*** thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; xác định nghĩa vụ về tài sản và biện pháp bảo toàn tài sản trong quá trình giải quyết ***yêu cầu phục hồi, tuyên bố*** phá sản; thi hành quyết định tuyên bố phá sản; ***nhiệm vụ, quyền hạn của người tiến hành, người tham gia thủ tục phục hồi, phá sản***.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng­ (Sửa đổi, bổ sung Điều 2)**

**1.** Luật này áp dụng đối với doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam ***và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc phá sản***.

2. Người tham gia ***vụ việc phá sản*** là người nước ngoài phải thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản của Việt Nam. **(Sửa đổi, bổ sung Điều 116)**

**Điều 3. Áp dụng Luật phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 3)**

***1. Luật Phá sản được áp dụng khi giải quyết vụ việc phá sản trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài.***

***2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác về việc giải quyết vụ việc phá sản thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.***

***3. Thủ tục phục hồi, thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp bảo hiểm được thực hiện theo quy định của Luật này, trừ trường hợp Luật Kinh doanh bảo hiểm có quy định khác.***

**Điều 4. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật phá sản (Mới)**

***1. Công khai, minh bạch trong việc giải quyết thủ tục phục hồi và tuyên bố phá sản.***

***2. Công bằng trong phân chia tài sản phá sản theo thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật.***

***3. Tối đa hóa giá trị tài sản phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.***

**Điều 5. Giải thích từ ngữ (Sửa đổi, bổ sung Điều 4)**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.

***Phương án 1:***

“*Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán”* là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn ***06 tháng*** kể từ ngày đến hạn thanh toán***, trừ trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.***

***Phương án 2:***

*“Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán*” là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán.

***2. “Doanh nghiệp, hợp tác xã có nguy cơ mất khả năng thanh toán” là doanh nghiệp, hợp tác xã nếu thực hiện việc thanh toán khoản nợ đến hạn trong vòng 06 tháng tiếp theo hoặc khoản nợ đã đến hạn nhưng chưa quá 06 tháng kể từ ngày nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***3. Phục hồi là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã có nguy cơ mất khả năng thanh toán và sau khi có quyết định của Tòa án công nhận Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***4***. *Phá sản* là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và ***đã có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.***

***5***. *Chủ nợ* là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ, bao gồm chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ có bảo đảm.

***6***. *Chủ nợ không có bảo đảm* là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ không được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba.

***7.*** *Chủ nợ có bảo đảm* là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba.

***8.*** *Chủ nợ có bảo đảm một phần* là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba mà giá trị tài sản bảo đảm thấp hơn khoản nợ đó.

***9.*** *Quản tài viên* là cá nhân hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết ***phục hồi,*** phá sản.

***10***. *Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản* là doanh nghiệp hành nghề quản lý tài sản, ***thực hiện nhiệm vụ phục hồi***, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết ***phục hồi,*** phá sản.

***11***. *Người tiến hành thủ tục phục hồi, phá sản* là Chánh án Tòa án, Thẩm phán; Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên; Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên trong quá trình giải quyết phục hồi, phá sản.

***12***. *Người tham gia* ***vụ việc*** *phá sản* là chủ nợ; người lao động; doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán; ***doanh nghiệp, hợp tác xã có nguy cơ mất khả năng thanh toán***, cổ đông, nhóm cổ đông ***của công ty cổ phần; thành viên, nhóm thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn***; thành viên hợp tác xã hoặc hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã; người mắc nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã và những người khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết ***yêu cầu mở thủ tục phục hồi, yêu cầu mở thủ tục phá sản.***

***13***. *Lệ phí nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản* (sau đây gọi là lệ phí phục hồi, phá sản) là khoản tiền mà người yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản phải nộp để Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản.

***14***. *Chi phí phục hồi, phá sản* là khoản tiền phải chi trả cho việc giải quyết ***phục hồi***, phá sản, bao gồm chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chi phí kiểm toán, ***chi phí xác minh tài sản, chi phí bảo quản tài sản, chi phí thẩm định giá tài sản, bán đấu giá tài sản, cưỡng chế thu hồi tài sản***, ***chi phí cho người thực hiện công việc kế toán*** và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

***15***. *Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản* là khoản tiền phải chi trả cho việc giải quyết ***phục hồi,*** phá sản của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ***bao gồm thù lao Quản tài viên và tiền thưởng theo quy định.***

***16***. ***Tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản*** là khoản tiền do Tòa án quyết định tạm ứng, chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, ***chi phí thẩm định giá tài sản, chi phí gửi giữ tài sản và chi phí khác theo quyết định của Thẩm phán***.

***17. Đại diện phá sản nước ngoài ở Việt Nam là cá nhân, tổ chức được ủy quyền trong thủ tục phục hồi, phá sản là người đại diện trong thủ tục phá sản nước ngoài.***

***18. Đại diện phá sản Việt Nam ở nước ngoài là Quản tài viên, đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã Việt Nam có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận, hỗ trợ giải quyết vụ việc phá sản Việt Nam, tham gia vụ việc phá sản ở nước ngoài.***

***19. Vụ việc phá sản bao gồm việc giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi, mở thủ tục phá sản theo quy định của Luật này.***

***20. Vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài là vụ việc phá sản thuộc một trong các trường hợp sau đây:***

***a) Người tham gia vụ việc phá sản ở nước ngoài;***

***b) Người tham gia vụ việc phá sản là người nước ngoài hoặc cơ quan, tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài;***

***c) Doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phục hồi, thủ tục phá sản có tài sản ở nước ngoài.***

***21. Thủ tục phá sản nước ngoài là thủ tục phục hồi, phá sản do Tòa án nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài giải quyết nhưng có yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hỗ trợ.***

**Điều 6. Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong vụ việc phá sản (mới)**

***Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, cá nhân có quyền tố cáo những hành vi, quyết định trái pháp luật của người tiến hành thủ tục phục hồi, phá sản hoặc của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào trong giải quyết vụ việc phá sản.***

***Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật khiếu nại, tố cáo; thông báo bằng văn bản về kết quả giải quyết cho người đã khiếu nại, tố cáo.***

**Mục 2**

**THẨM QUYỀN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TÒA ÁN**

**Điều 7. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 8)**

***1. Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản có thẩm quyền giải quyết vụ việc phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án mình theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.***

***2. Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản có thẩm quyền theo lãnh thổ nơi người phải thi hành cư trú, làm việc nếu người phải thi hành là cá nhân hoặc nơi người phải thi hành có trụ sở, nếu người phải thi hành là cơ quan, tổ chức; Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản có thẩm quyền theo lãnh thổ nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài có thẩm.***

**Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản (Mới)**

***1. Giải quyết yêu cầu phục hồi, yêu cầu phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***2. Thi hành quyết định phục hồi, quyết định tuyên bố phá sản;***

***3. Giải quyết yêu cầu công nhận và hỗ trợ vụ việc phá sản nước ngoài;***

***4. Thực hiện việc tổng kết thực tiễn giải quyết vụ việc phá sản; đề xuất án lệ;***

***5. Phát hiện, kiến nghị về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc theo quy định của luật;***

***6. Giải thích áp dụng pháp luật trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc;***

***7. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật;***

***8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.***

**Điều 9. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp cao (mới)**

***Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền giải quyết đề nghị, kiến nghị, kháng nghị đối với các quyết định về việc phá sản đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ sau đây:***

***1. Quyết định mở, quyết định không mở thủ tục phục hồi, phá sản.***

***2. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.***

**Điều 10. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao (mới)**

***1. Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền giải quyết đề nghị, kiến nghị theo thủ tục đặc biệt đối với quyết định giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị xem xét lại quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản của Tòa án nhân dân cấp cao.***

***2. Tranh chấp về thẩm quyền giữa các Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao giải quyết.***

**Điều 11. Giải quyết vụ việc phá sản trên nền tảng trực tuyến**

***1. Trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản, Tòa án có thể giải quyết vụ việc phá sản trên nền tảng trực tuy để thực hiện các thủ tục sau đây:***

***a) Cấp, tống đạt, thông báo, gửi văn bản trong vụ việc phá sản.***

***b) Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản.***

***c) Nộp lệ phí, tạm ứng chi phí, chi phí phục hồi, phá sản.***

***d) Cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ.***

***đ) Phiên họp hòa giải, phiên họp giải quyết khiếu nại, phiên họp giải quyết yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu, hội nghị chủ nợ.***

***2. Việc giải quyết vụ việc phá sản trên nền tảng trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.***

**Mục 3**

**NGƯỜI TIẾN HÀNH THỦ TỤC PHÁ SẢN, NGƯỜI THAM GIA THỦ TỤC PHỤC HỒI, PHÁ SẢN**

**Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán tiến hành vụ việc phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 9)**

***1. Hướng dẫn chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, người tham gia vụ việc phá sản thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ trong thủ tục phục hồi, phá sản theo quy định của pháp luật.***

***2.*** ***Hỗ trợ*** ***chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, người tham gia vụ việc phá sản thu thập tài liệu, chứng cứ bằng việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật trong trường hợp các bên đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhưng không thu thập được tài liệu, chứng cứ và đề nghị Tòa án hỗ trợ.***

***3. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp*** tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết yêu cầu ***thực hiện thủ tục phục hồi,*** mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật.

***4. Tòa án tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp; người tham gia vụ việc phá sản giao nộp.***

5. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản/***phục hồi***.

***6. Mở tài khoản ngân hàng để quản lý các khoản tiền thu được trong quá trình giải quyết mỗi vụ việc phá sản mà mình được phân công giải quyết.***

7. Quyết định chỉ định hoặc thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

8. Giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

9. Quyết định việc thực hiện kiểm toán doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong trường hợp cần thiết.

10. Quyết định việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán sau khi mở thủ tục phá sản để bảo đảm chi phí phá sản.

11. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật.

12. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dẫn giải đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật.

13. Tổ chức Hội nghị chủ nợ.

14. Quyết định công nhận Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

***15. Quyết định công nhận kết quả hòa giải.***

16. Quyết định đình chỉ tiến hành ***thủ tục phục hồi,*** đình chỉ tiến hànhthủ tục phá sản.

17. Quyết định tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

18. Áp dụng biện pháp xử phạt hành chính, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý về hình sự theo quy định của pháp luật.

19. Tham khảo quyết định giải quyết phá sản trước đó trong vụ việc phá sản tương tự theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

20. Phải từ chối giải quyết phá sản nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này.

21. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

**Điều 13. Từ chối hoặc thay đổi Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 10)**

1. Thẩm phán phải từ chối tham gia giải quyết phục hồi, phá sản hoặc bị thay đổi trong những trường hợp sau:

a) Đồng thời là người tham gia ***vụ việc*** phá sản; người đại diện, người thân thích của người tham gia ***vụ việc*** phá sản trong ***vụ việc*** phá sản đó;

b) Đã tham gia với tư cách Kiểm sát viên, Quản tài viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia ***vụ việc*** phá sản, người giám định, thẩm định giá, định giá, người phiên dịch trong ***vụ việc*** phá sản đó;

c) Cùng trong một Tổ Thẩm phán giải quyết ***vụ việc*** phá sản đó và là người thân thích với nhau;

d) Đã tham gia ra quyết định tuyên bố phá sản đối với vụ việc phá sản đó;

đ) Có căn cứ rõ ràng cho rằng Thẩm phán có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

2. Việc thay đổi Thẩm phán do Chánh án Tòa án quyết định như sau:

***a)*** Trường hợp Thẩm phán phụ trách việc phá sản là Chánh án ***Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản***thì việc thay đổi Thẩm phán do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao quyết định. Quyết định thay đổi Thẩm phán của Chánh án ***Tòa án nhân dân cấp cao*** là quyết định cuối cùng.

***b) Trường hợp Thẩm phán phụ trách việc phá sản là Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao thì việc thay đổi Thẩm phán do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định***. Quyết định thay đổi Thẩm phán của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng.

**Điều 14. Cá nhân, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (Giữ nguyên Điều 11)**

Cá nhân, doanh nghiệp được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong quá trình giải quyết phá sản gồm:

1. Quản tài viên;

2. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

**Điều 15. Điều kiện hành nghề Quản tài viên *(sửa đổi, bổ sung Điều 12)***

1. Những người sau đây được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên:

a) Luật sư;

b) Kiểm toán viên;

c) Người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng,***quản trị kinh doanh,******quản trị nhân sự và*** có kinh nghiệm 05 năm trở lên ***thực tế làm việc trong*** lĩnh vực được đào tạo, ***lĩnh vực xử lý nợ, tái cấu trúc.***

2. Điều kiện được hành nghề Quản tài viên:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan;

c) Có chứng chỉ hành nghề Quản tài viên;

***d) Tham gia bồi dưỡng kiến thức bắt buộc;***

***đ) Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 17 của Luật này.***

***3. Người được đào tạo nghề Quản tài viên, có chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghề Quản tài viên và đã được tập sự hành nghề Quản tài viên tại Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản thì được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.***

***4. Chính phủ quy định chi tiết việc đào tạo nghề, chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghề Quản tài viên, bồi dưỡng kiến thức bắt buộc đối với Quản tài viên và việc Quản lý nhà nước đối với Quản tài viên.***

**Điều 16. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (giữ nguyên Điều 13)**

1. Các loại doanh nghiệp sau đây được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong quá trình giải quyết phá sản:

a) Công ty hợp danh;

b) Doanh nghiệp tư nhân.

2. Điều kiện để doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản:

a) Công ty hợp danh có tối thiểu hai thành viên hợp danh là Quản tài viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh là Quản tài viên;

b) Doanh nghiệp tư nhân có chủ doanh nghiệp là Quản tài viên, đồng thời là Giám đốc.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và việc quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

**Điều 17. Cá nhân không được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 14)**

1. Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; ***người đã bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật***; người đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích; ***người đã bị kết án vì tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế kể cả trường hợp đã được xóa án tích;*** người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; ***người đang bị cấm hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo bản án hay quyết định của Tòa án đã có hiệu lực***.

3. Người mất năng lực hành vi dân sự, ~~hoặc~~ bị hạn chế năng lực hành vi dân sự ***hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.***

**Điều 18. Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (Sửa đổi, bổ sung Điều 15)**

1. Người đã được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên mà thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên:

a) Là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

b) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư, kiểm toán viên***;***

***d) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 17;***

***đ) Thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng;***

***e) Bị tuyên bố mất tích hoặc là đã chết;***

***g) Không tham gia bồi dưỡng kiến thức bắt buộc 03 năm liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.***

2. Chính phủ quy định chi tiết việc thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

**Điều 19. Quyền, nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 16)**

1. Quản lý tài sản, giám sát hoạt động kinh doanh, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, gồm:

a) Xác minh, thu thập, quản lý tài liệu, chứng cứ liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã;

***b) Phân loại các khoản nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

c) Lập bảng kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, ***cập nhật danh sách chủ nợ, người mắc nợ***;

d) Bảo quản tài sản; ngăn chặn việc bán, chuyển giao tài sản mà không được phép của Thẩm phán; ngăn chặn việc tẩu tán tài sản; tối đa hóa giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã khi bán, thanh lý tài sản;

đ) Giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

e) Được thuê cá nhân, tổ chức thực hiện công việc theo quy định của pháp luật;

***g) Được chỉ định chuyên gia về Luật hoặc kinh doanh trong Danh sách các chuyên gia về tài chính, tái cấu trúc và quản lý tài sản của văn phòng, công ty chuyên về lĩnh vực này, của Bộ Kinh tế phát triển, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng kiểm toán nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước làm cố vấn với sự cho phép của Tòa án;***

h) Đề xuất với Thẩm phán về việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm chi phí phá sản, ***cưỡng chế thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

i) Bán tài sản theo quyết định của Thẩm phán để bảo đảm chi phí phá sản;

k) Tổ chức việc định giá, thanh lý tài sản theo quy định của Luật này, ***trừ trường hợp hàng hóa tồn đọng đã được cơ quan hải quan xử lý theo quy định tại Điều 58 của Luật Hải quan;*** báo cáo cơ quan thi hành án dân sự, thông báo đến người tham gia thủ tục phá sản có liên quan về việc giao cho cá nhân, tổ chức thực hiện thanh lý tài sản;

l) Gửi các khoản tiền thu được vào tài khoản do Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền mở tại ngân hàng.

***m) Lấy ý kiến về dự thảo phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.***

2. Đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không có người đại diện theo pháp luật, ***trong việc giải quyết tranh chấp về tài sản phá sản.***

3. Báo cáo về tình trạng tài sản, công nợ và hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, tham gia xây dựng kế hoạch phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

4. Đề nghị Thẩm phán tiến hành các công việc sau:

a) Thu thập tài liệu, chứng cứ;

b) Tuyên bố giao dịch vô hiệu và quyết định thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị bán hoặc chuyển giao bất hợp pháp;

c) Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; áp dụng biện pháp xử phạt hành chính; chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền xử lý về hình sự theo quy định của pháp luật.

5. Được hưởng thù lao và thực hiện trách nhiệm bảo hiểm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo yêu cầu của Thẩm phán, cơ quan thi hành án dân sự; chịu trách nhiệm trước Thẩm phán, cơ quan thi hành án dân sự và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

***7. Tiến hành hòa giải, đề nghị Thẩm phán công nhận kết quả hòa giải.***

***8. Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền ban hành quy chế quy định việc lựa chọn, đăng ký, phương thức thực hiện công việc, trách nhiệm giải trình, mức thù lao chuyên gia theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, thủ tục mở, quản lý tài khoản mở tại Ngân hàng quy định tại điểm l khoản 1 Điều này.***

**Điều 20. Chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 45)**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục ***phục hồi, phá sản,*** Thẩm phán có trách nhiệm chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

2. Căn cứ chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản:

a) Cá nhân có chứng chỉ hành nghề Quản tài viên; doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

b) Đề xuất chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi, phá sản***;

c) Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không có lợi ích liên quan đến thủ tục ***phục hồi, phá sản***;

d) Tính chất của việc giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***, ***ưu tiên chỉ định Quản tài viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị nhân sự, xử lý nợ, tái cấu trúc trong thủ tục phục hồi.***

đ) Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không phải là người thân thích của người tham gia thủ tục phục hồi.

3. Văn bản chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải có nội dung chủ yếu sau:

***a) Thông tin về chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;***

***b) Thông tin về yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản;***

***c) Thông tin về việc chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, tạm ứng chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;***

***d) Các thông tin khác mà Tòa án xét thấy cần thiết***.

**Điều 21. Thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 46)**

1.Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có thể bị Thẩm phán quyết định thay đổi nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật này;

b) Có căn cứ chứng minh Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không khách quan trong khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Trường hợp bất khả kháng mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thực hiện được nhiệm vụ.

2. Quyết định thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải bằng văn bản, trong đó phải ghi rõ việc xử lý tạm ứng chi phí của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bị thay đổi và gửi ngay cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phục hồi.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phục hồi, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền làm đơn đề nghị Chánh án Tòa án có thẩm quyền xem xét lại quyết định.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xem xét lại quyết định thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Chánh án Tòa án xem xét, ban hành một trong các quyết định sau:

a) Không chấp nhận đề nghị xem xét lại quyết định thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

b) Hủy bỏ quyết định thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

5. Quyết định của Chánh án Tòa án quy định tại khoản 4 Điều này là quyết định cuối cùng.

6. Trường hợp thay đổi theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải trả lại toàn bộ tiền tạm ứng chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Trường hợp thay đổi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thanh toán chi phí tương ứng với phần công việc đã thực hiện.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bị thay đổi phải thực hiện bàn giao toàn bộ công việc đã thực hiện cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mới.

8. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bị thay đổi trong trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này hoặc không thực hiện bàn giao theo quy định tại khoản 7 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

***9. Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi có quyền đề xuất Quản tài viên thay thế trong trường hợp Quản tài viên trước bị thay đổi.***

**Điều 22. Những trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải từ chối tham gia phục hồi (Mới)**

***1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có lợi ích liên quan đến thủ tục phục hồi.***

***2. Quản tài viên là người thân thích của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***3. Quản tài viên đồng thời là người tham gia thủ tục phục hồi, người đại diện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia thủ tục phục hồi.***

***4. Có căn cứ rõ ràng cho rằng Quản tài viên có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.***

**Điều 23. Ban đại diện chủ nợ (Mới)**

***1. Sau khi mở thủ tục phục hồi, phá sản, Hội nghị chủ nợ có thể quyết định thành lập Ban đại diện chủ nợ, trừ trường hợp vụ việc được giải quyết theo thủ tục rút gọn.***

***2. Ban đại diện chủ nợ có không quá 05 thành viên gồm các chủ khoản nợ có giá trị lớn của doanh nghiệp, hợp tác xã. Các chủ nợ có thể đề xuất với Thẩm phán về việc đưa chủ khoản nợ có giá trị nhỏ, đại diện người sở hữu trái phiếu tham gia thành viên của Ban đại diện chủ nợ.***

**Điều 24. Quyền, nghĩa vụ của Ban đại diện chủ nợ (Mới)**

***1. Trình bày ý kiến về thủ tục phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***2. Yêu cầu Quản tài viên kiểm tra tình hình tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi được phê duyệt phương án phục hồi.***

***3. Được cung cấp bản sao tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc phá sản.***

***4. Có thể chỉ định thành viên của Ban đại diện chủ nợ là người giám sát sau khi được sự đồng ý của Tòa án giải quyết phá sản.***

***5. Thay mặt cho các chủ nợ thực hiện giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của luật này.***

**Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung Điều 17)**

1. Thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu, quyết định tuyên bố phá sản và các quyết định khác theo quy định của Luật này.

2. Yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện việc định giá, thanh lý tài sản; thực hiện việc thanh lý tài sản trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 167 của Luật này.

3. Giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản; yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo việc thanh lý tài sản.

4. Đề xuất Tòa án thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong quá trình thực hiện việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định tại Điều 21 của Luật này.

5. Phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định của Tòa án.

6. Quyết định kết thúc việc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

***7. Giám sát việc thực hiện công việc kế toán của người được Tòa án chỉ định thực hiện công việc kế toán.***

8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**Điều 26. Quyền, nghĩa vụ của người tham gia vụ việc phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 18)**

1. Thực hiện yêu cầu của Thẩm phán, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết ***phục hồi,*** phá sản.

***3.*** ***Đề nghị Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ trong trường hợp đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhưng không thu thập được tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thực hiện quyền của mình;***

4. Yêu cầu ***cơ quan, tổ chức, cá nhân*** đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình để giao nộp cho Tòa án.

5. Đề nghị Thẩm phán, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ mà tự mình không thể thực hiện được hoặc trưng cầu giám định, định giá, thẩm định giá tài sản; đề nghị Thẩm phán quyết định kiểm toán doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán; đề nghị Thẩm phán triệu tập người làm chứng.

6. Được biết và ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do người tham gia thủ tục phá sản khác xuất trình hoặc do ***Quản tài viên*** thu thập, ***trừ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến bí mật nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc, bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo yêu cầu chính đáng của người tham gia thủ tục phá sản.***

7. Đề nghị áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

8. Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

9. Tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

10. Tham gia Hội nghị chủ nợ.

11. Đề nghị thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 21 của Luật này.

12. Đề nghị Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bổ sung chủ nợ, người mắc nợ vào danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ.

13. Đề xuất với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về việc thu hồi các khoản tiền, tài sản của người mắc nợ.

14. Phải có mặt theo yêu cầu của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành các quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết phá sản.

15. Tham gia vào việc quản lý, thanh lý tài sản theo yêu cầu của Thẩm phán, cơ quan thi hành án dân sự, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

16. Đề nghị xem xét lại quyết định của Tòa án theo quy định của Luật này.

***17. Trường hợp người mắc nợ, người khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phản hồi, cung cấp thông tin, tài liệu, thực hiện đề nghị của người tiến hành thủ tục phá sản trong thời hạn quy định hoặc quá thời hạn gia hạn theo quyết định của người tiến hành thủ tục phá sản thì bị mất quyền khiếu nại, trừ trường hợp do trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng.***

18. Trường hợp cá nhân tham gia thủ tục phá sản chết thì người thừa kế hợp pháp của họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều này.

19. Yêu cầu Tòa án áp dụng thủ tục phục hồi, phá sản rút gọn.

20. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

**Điều 27. Quyền, nghĩa vụ của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 19)**

***1. Quyền, nghĩa vụ của người tham gia vụ việc phá sản theo quy định tại Điều 26 của Luật này.***

***2. Nộp bản giải trình nguyên nhân dẫn đến tình trạng có nguy cơ mất khả năng thanh toán, đề xuất phương án phục hồi (nếu có)***

***3. Đề xuất với Toà án về yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã bị nộp đơn mở thủ tục phục hồi nộp các tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh và tình trạng tài sản của mình và có ý kiến về phương án phục hồi (nếu có) nếu người nộp đơn thuộc các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 68 của Luật này.***

***4. Đề xuất Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trước khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phục hồi.***

***5. Nộp lệ phí phục hồi, tạm ứng chi phí phục hồi, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phục hồi, tạm ứng chi phí phục hồi.***

***6. Rút yêu cầu mở thủ tục phục hồi trước khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phục hồi.***

**Điều 28. Quyền, nghĩa vụ của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 19)**

***1. Quyền, nghĩa vụ của người tham gia vụ việc phá sản theo quy định tại Điều 26 của Luật này.***

***2. Đề xuất Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trước khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản.***

***3. Nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản.***

**Điều 29. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã có nguy cơ mất khả năng thanh toán (Mới)**

***1. Quyền, nghĩa vụ của người tham gia thủ tục phục hồi theo quy định tại Điều 27 của Luật này.***

***2. Được đưa ra ý kiến về việc chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của người nộp đơn yêu cầu tiến hành thủ tục phục hồi.***

***3. Phải thông báo công khai về quyết định mở thủ tục phục hồi, quyết định huỷ bỏ quyết định mở thủ tục phục hồi ngay sau khi nhận được quyết định mở thủ tục phục hồi, quyết định huỷ bỏ quyết định mở thủ tục phục hồi.***

***4. Tạm dừng thanh toán khoản nợ, tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, tạm hoãn xuất cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã khi có quyết định mở thủ tục phục hồi.***

***5. Đề xuất phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.***

**Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán (Sửa đổi, bổ sung Điều 20)**

***1. Quyền, nghĩa vụ của người tham gia vụ việc phá sản theo quy định tại Điều 26 của Luật này.***

***2. Được đưa ra ý kiến về việc chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.***

***3. Phải thông báo công khai về quyết định mở thủ tục phá sản ngay sau khi nhận được quyết định mở thủ tục phá sản.***

**Điều 31. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 21)**

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết ***vụ việc*** phá sản, thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị theo quy định của Luật này.

2. Viện kiểm sát tham gia các phiên họp xem xét kiến nghị, kháng nghị của Viện kiểm sát; kiểm sát các quyết định giải quyết ***vụ việc*** phá sản của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản.

**Điều 32. Cấp, tống đạt, thông báo văn bản trong vụ việc phá sản (mới)**

***1. Người tiến hành thủ tục phục hồi, phá sản thực hiện việc yêu cầu, cấp, thông báo văn bản cho người tham gia thủ tục phá sản theo quy định của Luật này, pháp luật về tố tụng dân sự và pháp luật về giao dịch điện tử.***

***2. Việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản trong vụ việc phá sản được thực hiện*** bằng phương thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc người thứ ba được ủy quyền thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo, bằng phương tiện điện tử ***(fax, telex, thư điện tử…)***, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc phương thức khác ***có ghi nhận việc này*** theo quy định của pháp luật.

***3. Trường hợp không thể cấp, tống đạt, thông báo văn bản trong vụ việc phá sản trực tiếp thì Tòa án thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (không thực hiện thủ tục niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự). Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng phải được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao. Thông báo này có hiệu lực tống đạt đối với toàn bộ các bên có liên quan.***

***4. Trường hợp vụ việc phá sản có số lượng lớn người tham gia thủ tục phục hồi, phá sản cần phải cấp, tống đạt, thông báo văn bản thì Tòa án chỉ thực hiện việc thông báo tại Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao.***

***5. Trường hợp người tham gia thủ tục phục hồi, phá sản lựa chọn và đề nghị Tòa án, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo bằng một trong các phương thức quy định tại khoản 2 Điều này thì Tòa án, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo theo phương thức đó.***

***6. Trường hợp trong lần đầu cấp, tống đạt, thông báo, Tòa án đã thông báo cho người tham gia thủ tục phục hồi, phá sản về phương thức tống đạt mới của những lần cấp, tống đạt, thông báo tiếp theo mà người được nhận cấp, tống đạt, thông báo không phản đối thì Tòa án tiếp tục thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo bằng phương thức tống đạt mới trong những lần tống đạt tiếp theo.***

***7. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã báo cáo, gửi dự thảo phương án phục hồi hoạt động kinh doanh và các tài liệu khác theo quy định của Luật này thì thực hiện bằng phương thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc người thứ ba được ủy quyền, bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật.***

**Điều 33. Ủy thác trong việc giải quyết vụ việc phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 50)**

1. Trong quá trình giải quyết phá sản, Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sảncó thể ra quyết định ủy thác để Tòa án khác thu hồi tài sản, lấy lời khai của những người tham gia thủ tục phá sản, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản hoặc biện pháp khác để thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc phá sản.

2. Trong quyết định ủy thác phải có ***thông tin*** của người tham gia thủ tục phá sản liên quan đến việc ủy thác và công việc, ***thời hạn*** thực hiện ủy thác.

3. Tòa án nhận được quyết định ủy thác có trách nhiệm thực hiện công việc ***và phải thông báo bằng văn bản nếu không thực hiện được việc ủy thác cho Toà án đã ra quyết định ủy thác.***

**Điều 34. Trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan (Sửa đổi, bổ sung Điều 7)**

1*.* ***Cơ quan, tổ chức, cá nhân*** đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến ***thủ tục*** ***phục hồi,*** phá sản có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, Tòa án, Viện kiểm sát, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

2. ***Cơ quan, tổ chức, cá nhân*** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Mục 4**

**LỆ PHÍ, CHI PHÍ PHỤC HỒI, PHÁ SẢN**

**Điều 35. Lệ phí phục hồi, phá sản (Giữ nguyên Điều 22)**

Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi,*** phá sản phải nộp lệ phí phục hồi, phá sản theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án. Trường hợp người nộp đơn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 105 và khoản 2 Điều 140 của Luật này không phải nộp lệ phí phục hồi, phá sản.

**Điều 36. Thủ tục nộp lệ phí phục hồi, lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phục hồi, tạm ứng chi phí phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 38)**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ***đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi,*** đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, Tòa án dự tính số tiền ***tạm ứng chi phí phục hồi,***tạm ứng chi phí phá sản và thông báo cho người yêu cầu để nộp ***lệ phí phục hồi,*** lệ phí phá sản, ***tạm ứng chi phí phục hồi,***tạm ứng chi phí phá sản.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc nộp ***lệ phí phục hồi,*** lệ phí phá sản, ***tạm ứng chi phí phục hồi,***tạm ứng chi phí phá sản, người nộp đơn phải thực hiện việc nộp ***lệ phí phục hồi,*** lệ phí phá sản, ***tạm ứng chi phí phục hồi,***tạm ứng chi phí phá sản như sau:

a) Nộp ***lệ phí phục hồi,*** lệ phí phá sản cho cơ quan thi hành án dân sự;

b) Nộp ***tạm ứng chi phí phục hồi,***tạm ứng chi phí phá sản vào tài khoản do Tòa án mở tại ngân hàng.

**Điều 37. Chi phí phục hồi, phá sản, tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 23)**

1. Chi phí phục hồi, phá sản được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***, phá sản phải nộp tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản, trừ trường hợp người nộp đơn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 105 và khoản 2 Điều 140 của Luật này***.***

***Phương án 1: Tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản trong trường hợp người nộp đơn được miễn và trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản theo thủ tục rút gọn theo điểm b khoản 1 Điều 105 và khoản 2 Điều 143 của Luật này được lấy từ nguồn lệ phí đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã. Chính Phủ quy định mức lệ phí đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và việc sử dụng một phần lệ phí đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã để tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản.***

***Phương án 2: Tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản trong trường hợp người nộp đơn được miễn và trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản theo thủ tục rút gọn theo điểm b khoản 1 Điều 105 và khoản 2 Điều 143 của Luật này do Ngân sách Nhà nước bảo đảm.***

3. Tòa án giao cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bán một số tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm chi phí phục hồi, phá sản. Việc định giá, định giá lại và bán tài sản được thực hiện theo quy định tại các Điều 168, 169 và 170 của Luật này.

4. Tòa án quyết định mức tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản, mức chi phí phục hồi, phá sản trong từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật và quyết định việc hoàn trả tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***, phá sản không trung thực.

5. Trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***, phá sản được miễn nộp tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản hoặc không phải nộp tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Tòa án tạm ứng chi phí từ Quỹ hỗ trợ phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

**Điều 38. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong vụ việc phá sản (Giữ nguyên Điều 24)**

1. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được tính dựa trên thời gian, công sức và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

2. Chính phủ quy định chi tiết về chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

**Điều 39. Xử lý tiền tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản (Mới)**

***1. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản đã nộp chưa đủ cho chi phí phục hồi, phá sản thực tế thì người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản phải nộp thêm phần tiền còn thiếu theo thông báo của Tòa án.***

***Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí phục hồi, phá sản đã nộp nhiều hơn chi phí phục hồi, phá sản thực tế thì người nộp được trả lại phần tiền còn thừa theo quyết định của Tòa án.***

***2. Trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đủ để chi trả chi phí phá sản thì người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản được trả lại tạm ứng chi phí phá sản đã nộp theo quyết định của Tòa án.***

***Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không còn tiền, tài sản thì người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không được hoàn lại tiền tạm ứng chi phí phá sản đã nộp.***

***Trường hợp có quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi khi doanh nghiệp, hợp tác xã đã thực hiện xong phương án phục hồi, kinh doanh thì người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi được hoàn lại tiền tạm ứng chi phí phục hồi đã nộp.***

***3. Trường hợp Nhà nước tạm ứng chi phí phá sản thì chi phí phá sản theo thứ tự phân chia tài sản tại quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được hoàn trả lại Nhà nước.***

**Mục 5**

**NGHĨA VỤ VỀ TÀI SẢN**

**Điều 40. Xác định giá trị nghĩa vụ về tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 51)**

1. Nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã được xác lập trước khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục ***phục hồi***, phá sản được xác định vào thời điểm ra quyết định mở thủ tục ***phục hồi***, phá sản ***trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này***.

2. Nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã được xác lập sau khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản được xác định vào thời điểm ra quyết định tuyên bố phá sản.

3. Trường hợp nghĩa vụ về tài sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không phải là tiền thì Tòa án xác định giá trị nghĩa vụ về tài sản đó bằng tiền.

**Điều 41. Xác định tiền lãi đối với khoản nợ (sửa đổi, bổ sung Điều 52)**

1. Kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục ***phục hồi***, phá sản, các khoản nợ được tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận nhưng được tạm dừng việc trả lãi.

Trường hợp Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 103 của Luật này thì việc tạm dừng trả lãi chấm dứt, các bên tiếp tục thực hiện việc trả lãi theo thỏa thuận.

2. Đối với khoản nợ mới phát sinh sau khi mở thủ tục ***phục hồi,*** phá sản đến thời điểm tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì tiền lãi của khoản nợ đó được xác định theo thỏa thuận nhưng không trái với quy định của pháp luật.

3. Kể từ ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì khoản nợ không được tiếp tục tính lãi.

**Điều 42. Xử lý khoản nợ có bảo đảm (Sửa đổi, bổ sung Điều 53)**

1. Sau khi mở thủ tục phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đề xuất Thẩm phán về việc xử lý khoản nợ có bảo đảm đã được tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 110 của Luật này ***và khoản nợ có bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã xác lập trước khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản,*** Thẩm phán xem xét và xử lý cụ thể như sau:

a) Trường hợp tài sản bảo đảm được sử dụng để thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh thì việc xử lý đối với tài sản bảo đảm theo Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ;

b) Trường hợp không thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh hoặc tài sản bảo đảm không cần thiết cho việc thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh thì xử lý theo thời hạn quy định trong hợp đồng đối với hợp đồng có bảo đảm đã đến hạn. Đối với hợp đồng có bảo đảm chưa đến hạn thì trước khi tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, Tòa án đình chỉ hợp đồng và xử lý các khoản nợ có bảo đảm. Việc xử lý khoản nợ có bảo đảm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đề nghị Thẩm phán cho xử lý ngay tài sản bảo đảm đó theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đối với khoản nợ có bảo đảm được xác lập trước khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được thanh toán bằng tài sản bảo đảm đó;

b) Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; nếu giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn số nợ thì phần chênh lệch được nhập vào giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

***4. Quản tài viên để xuất thực hiện xử lý tài sản theo quy định tại Điều này.***

***Trường hợp bên nhận bảo đảm không nhận tài sản bảo đảm thì Quản tài viên thanh lý tài sản theo giá thỏa thuận hoặc thực hiện việc tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật.***

**Điều 43. Thứ tự phân chia tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 54)**

1. Trường hợp Thẩm phán ra quyết định tuyên bố phá sản thì tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã được phân chia theo thứ tự sau:

a) Chi phí phá sản;

**Phương án 1**:

***b) Khoản nợ lương;***

***c) Khoản nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;***

***d) Khoản nợ bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thôi việc và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể, hợp đồng lao động.***

**Phương án 2:**

***b) Khoản nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;***

***c) Khoản nợ lương;***

***d) Khoản nợ bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thôi việc và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể, hợp đồng lao động.***

***e)*** Khoản nợ phát sinh nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;

***f)*** Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

2. Trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi đã thanh toán đủ các khoản quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần còn lại này thuộc về:

a) Thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên;

b) Chủ doanh nghiệp tư nhân;

c) Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

d) Thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, cổ đông của công ty cổ phần;

đ) Thành viên của Công ty hợp danh.

3. Nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này thì từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

***4. Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này thì chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo thứ tự quy định tại khoản 1 Điều này cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.***

**Điều 44. Nghĩa vụ về tài sản trong trường hợp nghĩa vụ liên đới hoặc bảo lãnh (Giữ nguyên Điều 55)**

1. Trường hợp nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ liên đới về một khoản nợ mà một hoặc tất cả các doanh nghiệp, hợp tác xã đó mất khả năng thanh toán thì chủ nợ có quyền đòi bất cứ doanh nghiệp, hợp tác xã nào trong số các doanh nghiệp, hợp tác xã đó thực hiện việc trả nợ cho mình theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp người bảo lãnh mất khả năng thanh toán thì việc bảo lãnh được giải quyết như sau:

a) Nếu nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Trường hợp bên bảo lãnh không thanh toán đầy đủ trong phạm vi bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh thanh toán phần còn thiếu;

b) Nếu nghĩa vụ bảo lãnh chưa phát sinh thì bên được bảo lãnh phải thay thế biện pháp bảo đảm khác, trừ trường hợp người được bảo lãnh và người nhận bảo lãnh có thỏa thuận khác.

3. Trường hợp người được bảo lãnh hoặc cả người bảo lãnh và người được bảo lãnh đều mất khả năng thanh toán thì người bảo lãnh phải chịu trách nhiệm thay cho người được bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

**Điều 45. Trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản (Giữ nguyên Điều 56)**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố phá sản, chủ sở hữu tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê hoặc mượn để dùng vào hoạt động kinh doanh phải xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, hợp đồng cho thuê hoặc cho mượn với cơ quan thi hành án dân sự để nhận lại tài sản của mình.

2. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản đã trả trước tiền thuê nhưng chưa hết thời hạn thuê thì người cho thuê chỉ được nhận lại tài sản sau khi đã thanh toán số tiền thuê tương ứng với thời gian thuê còn lại để cơ quan thi hành án dân sự nhập vào khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó.

3. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản đã chuyển nhượng tài sản thuê hoặc mượn cho người khác mà không đòi lại được thì người cho thuê hoặc cho mượn có quyền yêu cầu bồi thường đối với tài sản đó như khoản nợ không có bảo đảm.

**Điều 46. Trả lại tài sản nhận bảo đảm (Giữ nguyên Điều 57)**

Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán chỉ trả lại tài sản nhận bảo đảm cho cá nhân, tổ chức đã giao tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với doanh nghiệp, hợp tác xã trước khi Tòa án mở thủ tục phá sản trong trường hợp cá nhân, tổ chức đó đã thực hiện nghĩa vụ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.

**Điều 47. Nhận lại hàng hoá đã bán (Giữ nguyên Điều 58)**

Người bán đã gửi hàng hóa cho người mua là doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán nhưng chưa được thanh toán và người mua cũng chưa nhận được hàng hóa thì người bán được nhận lại hàng hoá đó. Nếu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán đã nhận hàng hóa đó và không thể trả lại được thì người bán trở thành chủ nợ không có bảo đảm.

**Mục 6**

**CÁC BIỆN PHÁP BẢO TOÀN TÀI SẢN TRONG**

**THỦ TỤC PHỤC HỒI, PHÁ SẢN**

**Điều 48. Giao dịch bị coi là vô hiệu (Sửa đổi, bổ sung Điều 59)**

1. Giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã được thực hiện trong thời gian 06 tháng trước ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục ***phục hồi***, phá sản bị coi là vô hiệu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Giao dịch liên quan đến chuyển nhượng tài sản không theo giá thị trường;

b) Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

c) Thanh toán hoặc bù trừ có lợi cho một chủ nợ đối với khoản nợ chưa đến hạn hoặc với số tiền lớn hơn khoản nợ đến hạn;

d) Tặng cho tài sản;

đ) Giao dịch ngoài mục đích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;

e) Giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện với những người liên quan trong thời gian 18 tháng trước ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục ***phục hồi,*** phá sản thì bị coi là vô hiệu.

3. Những người liên quan quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm:

a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đối với công ty con;

b) Công ty con đối với công ty mẹ; doanh nghiệp do hợp tác xã thành lập đối với hợp tác xã;

c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định của cơ quan quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã đối với hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã đó;

d) Người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã đối với doanh nghiệp, hợp tác xã;

đ) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

e) Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;

g) Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;

h) Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thâu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

4. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm xem xét giao dịch của ***doanh nghiệp, hợp tác xã*** ***có nguy cơ mất khả năng thanh toán***, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, nếu phát hiện giao dịch quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, ***giao dịch vô hiệu theo quy định của Bộ luật Dân sự*** thì đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố giao dịch vô hiệu.

**Điều 49. Tuyên bố giao dịch vô hiệu (Sửa đổi, bổ sung Điều 60)**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia ***vụ việc*** phá sản yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu hoặc ***Thẩm phán đang giải quyết vụ việc phá sản*** phát hiện giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 48 của Luật này, ***giao dịch vô hiệu theo quy định của Bộ luật Dân sự*** thì ***Thẩm phán phải mở phiên họp xem xét tuyên bố giao dịch vô hiệu.***

***Doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Quản tài viên có nghĩa vụ tham gia phiên họp. Trường hợp vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.***

***2.*** ***Khi xem xét tuyên bố giao dịch vô hiệu, Tòa án ra một trong các quyết định sau đây:***

a) Không chấp nhận yêu cầu của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản;

b) Tuyên bố giao dịch vô hiệu, hủy bỏ các biện pháp bảo đảm và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, bên giao kết với doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền làm đơn đề nghị Chánh án Tòa án xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu, Chánh án Tòa án đã ra quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu phải ra một trong các quyết định sau:

a) Không chấp nhận đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu;

b) Hủy bỏ quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu. Trường hợp có tranh chấp thì được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Trong thời hạn ***15*** ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động tổ chức thi hành quyết định theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**Điều 50. Tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực (Giữ nguyên Điều 61)**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, nếu xét thấy việc thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực và đang được thực hiện hoặc chưa được thực hiện sẽ có khả năng gây bất lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp xử lý các khoản nợ có bảo đảm theo quy định tại Điều 42 của Luật này.

2. Văn bản yêu cầu Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ thực hiện hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này phải có nội dung chủ yếu sau:

a) Ngày, tháng, năm;

b) Tên, địa chỉ của người có yêu cầu;

c) Số, tên hợp đồng; ngày, tháng, năm giao kết hợp đồng;

d) Bên giao kết với doanh nghiệp, hợp tác xã trong hợp đồng;

đ) Nội dung cụ thể của hợp đồng;

e) Căn cứ của việc yêu cầu tạm đình chỉ thực hiện hợp đồng.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, nếu chấp nhận thì Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ thực hiện hợp đồng; nếu không chấp nhận thì thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu biết.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, Tòa án phải xem xét các hợp đồng bị tạm đình chỉ quy định tại khoản 1 Điều này để ra một trong các quyết định sau:

a) Tiếp tục thực hiện hợp đồng nếu việc thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực và đang được thực hiện hoặc nếu được thực hiện sẽ không gây bất lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Đình chỉ thực hiện hợp đồng và giải quyết hậu quả theo quy định tại Điều 51 của Luật này.

5. Trường hợp Tòa án quyết định không mở thủ tục phá sản thì Tòa án đã quyết định tạm đình chỉ thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều này quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ.

**Điều 51. Thanh toán, bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị đình chỉ thực hiện (sửa đổi, bổ sung Điều 62)**

1. Khi hợp đồng bị đình chỉ thực hiện, nếu tài sản mà ***doanh nghiệp, hợp tác xã có nguy cơ mất khả năng thanh toán,*** doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán nhận được từ hợp đồng vẫn còn tồn tại trong khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã thì bên giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền đòi lại tài sản và thanh toán số tiền đã nhận của doanh nghiệp, hợp tác xã; nếu tài sản đó không còn thì bên giao kết có quyền như một chủ nợ không có bảo đảm đối với phần chưa được thanh toán.

2. Trường hợp việc đình chỉ thực hiện hợp đồng gây thiệt hại cho bên giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã thì bên giao kết có quyền như một chủ nợ không có bảo đảm đối với khoản thiệt hại.

**Điều 52. Bù trừ nghĩa vụ (Sửa đổi, bổ sung Điều 63)**

1. Sau khi Tòa án có ***quyết định*** ***mở thủ tục phục hồi,*** quyết định mở thủ tục phá sản, chủ nợ, ***doanh nghiệp, hợp tác xã có nguy cơ mất khả năng thanh toán*** và doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán được thực hiện việc bù trừ nghĩa vụ đối với hợp đồng được xác lập trước khi có ***quyết định*** ***mở thủ tục phục hồi,*** quyết định mở thủ tục phá sản, ***trừ trường hợp không được bù trừ nghĩa vụ theo quy định của luật.***

2. Việc thực hiện bù trừ nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này ***không được nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba và*** phải được sự đồng ý của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Thẩm phán về việc thực hiện bù trừ nghĩa vụ.

3. Phương pháp bù trừ nghĩa vụ:

a) Trường hợp các bên có nghĩa vụ về tài sản tương đương với nhau thì không phải thực hiện nghĩa vụ đối với nhau và nghĩa vụ được xem là chấm dứt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Trường hợp các bên có nghĩa vụ về tài sản không tương đương với nhau mà phần chênh lệch giá trị tài sản lớn hơn thuộc về doanh nghiệp, hợp tác xã thì bên giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã phải thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch để gộp vào khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

c) Trường hợp các bên có nghĩa vụ về tài sản không tương đương với nhau mà phần chênh lệch giá trị tài sản lớn hơn thuộc về bên giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã thì bên giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã trở thành chủ nợ không có bảo đảm đối với phần giá trị tài sản chênh lệch.

**Điều 53. Tạm dừng thanh toán khoản nợ sau khi có quyết định công nhận nghị quyết của hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã**

***1. Kể từ thời điểm quyết định công nhận nghị quyết của hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã có hiệu lực thì tạm dừng thanh toán tất cả các khoản nợ không phù hợp với nội dung của phương án phục hồi phát sinh trước và sau khi có quyết định mở thủ tục phục hồi, trừ trường hợp Tòa án cho phép thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều này.***

***2. Tòa án cho phép thanh toán các khoản nợ trong các trường hợp sau đây:***

***a) Thanh toán khoản nợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mà nếu không thanh toán thì doanh nghiệp này gặp khó khăn trong việc tiếp tục hoạt động kinh doanh;***

***b) Việc thanh toán khoản nợ nhằm mục đích phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***3. Việc xem xét thanh toán toàn bộ hoặc một phần khoản nợ quy định tại khoản 2 Điều này theo yêu cầu của Quản tài viên hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã ngay cả trước khi ra quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.***

***4. Trước khi Tòa án cho phép theo Điều này thì phải lấy ý kiến của Hội nghị chủ nợ hoặc Ban đại diện chủ nợ.***

**Điều 54. Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (mới)**

***Kể từ thời điểm mở thủ tục phục hồi thì doanh nghiệp, hợp tác xã được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất trong thời gian tối đa 12 tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.***

**Điều 55. Tạm hoãn xuất cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã (mới)**

***Sau khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phục hồi, quyết định mở thủ tục phá sản, thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã có thể bị áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh.***

**Điều 56. Tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã (sửa đổi, bổ sung Điều 64)**

1. Trừ trường hợp luật khác có quy định, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã gồm:

a) Tài sản và quyền tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã có tại thời điểm Tòa án ***ra quyết định mở thủ tục phục hồi,*** quyết định mở thủ tục phá sản;

b) Tài sản và quyền tài sản có được sau ngày Tòa án ***ra quyết định mở thủ tục phục hồi,*** quyết định mở thủ tục phá sản;

c) Giá trị của tài sản bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm mà doanh nghiệp, hợp tác xã phải thanh toán cho chủ nợ có bảo đảm;

d) Giá trị quyền sử dụng đất của doanh nghiệp, hợp tác xã được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai;

đ) Tài sản thu hồi từ hành vi cất giấu, tẩu tán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

e) Tài sản và quyền tài sản có được do thu hồi từ giao dịch vô hiệu;

g) Các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản của doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh gồm:

a) Tài sản quy định tại khoản 1 Điều này;

b)Tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh không trực tiếp dùng vào hoạt động kinh doanh; trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh có tài sản thuộc sở hữu chung thì phần tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh đó được chia theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp hợp tác xã bị tuyên bố phá sản thì việc xử lý ***quỹ chung không chia,*** tài sản ***chung*** không chia ***sẽ*** được thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp tác xã.

**Điều 57. Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã (sửa đổi, bổ sung Điều 65)**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được ***quyết định mở thủ tục phục hồi,*** quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã phải tiến hành kiểm kê tài sản và xác định giá trị tài sản đó; trong trường hợp cần thiết thì phải có văn bản đề nghị Thẩm phán gia hạn, nhưng không quá hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. Việc xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã vắng mặt thì người được Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chỉ định làm đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công việc kiểm kê và xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Bảng kiểm kê tài sản đã được xác định giá trị phải gửi ngay cho Tòa án tiến hành thủ tục phá sản.

4. ***Khi giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi, yêu cầu mở thủ tục phá sản,*** trường hợp xét thấy việc kiểm kê, xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại khoản 1 Điều này là không chính xác ***tại thời điểm kiểm kê*** thì Tòa án yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức kiểm kê, xác định lại giá trị một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. ***Thời hạn kiểm kê, xác định lại giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã là 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án.*** Giá trị tài sản được xác định, định giá theo giá thị trường tại thời điểm kiểm kê.

5. Trường hợp đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã và những người khác không hợp tác về việc kiểm kê tài sản hoặc cố tình làm sai lệch việc kiểm kê tài sản thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 58. Đăng ký giao dịch bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã (giữ nguyên Điều 69)**

Doanh nghiệp, hợp tác xã cho người khác vay tài sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký giao dịch bảo đảm nhưng chưa đăng ký thì doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện ngay việc đăng ký; trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm.

**Điều 59. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Sửa đổi, bổ sung Điều 70)**

1. Trong quá trình giải quyết yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi****,*phá sản, người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn theo quy định tại Điều 68, 101 của Luật này, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền yêu cầu ***Tòa án nhân dân chuyên biệt phá sản*** có thẩm quyền ra quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động sau đây:

a) Cho bán hàng hoá dễ bị hư hỏng, hàng hoá sắp hết thời hạn sử dụng, hàng hoá không bán đúng thời điểm sẽ khó có khả năng tiêu thụ; cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hoá khác;

b) Kê biên, niêm phong tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

c) Phong toả tài khoản của doanh nghiệp, hợp tác xã tại ngân hàng; phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ;

d) Niêm phong kho, quỹ, thu giữ và quản lý sổ kế toán, tài liệu liên quan của doanh nghiệp, hợp tác xã;

đ) Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán;

e) Cấm thay đổi hiện trạng đối với tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán;

***g)*** ***Buộc bàn giao tài sản, nhận tài sản;***

***h)*** Cấm hoặc buộc doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân, tổ chức khác có liên quan thực hiện một số hành vi nhất định;

***i)*** Buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

***k) Tạm hoãn xuất cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã bị mở thủ tục phục hồi, mở thủ tục phá sản;***

***l)*** Các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo quy định của pháp luật.

2. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều này.

**Điều 60. Xử lý việc tạm đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc (Sửa đổi, bổ sung Điều 71)**

1. Trường hợp Tòa án ra quyết định không mở thủ tục phá sản, Tòa án, Trọng tài, cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 110 của Luật này ban hành quyết định ***tiếp tục giải quyết vụ việc, tiếp tục thi hành án.***

2. Trường hợp Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, Tòa án, Trọng tài, cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 110 của Luật này phải ra quyết định đình chỉ và chuyển hồ sơ vụ việc cho Tòa án đang tiến hành thủ tục phá sản để giải quyết.

***3. Trường hợp Tòa án ra quyết định mở thủ tục phục hồi, Tòa án, Trọng tài, cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định tạm đình chỉ thực hiện nghia xvuj về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã và báo cáo tình hình việc giải quyết vụ việc cho Tòa án đang tiến hành thủ tục phục hồi.***

4. Trường hợp Tòa án ra quyết địnhđình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 103 của Luật này thì cơ quan thi hành án dân sự ***quyết định tiếp tục thi hành án.***

***5. Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 103 của Luật này sau khi đã ra quyết định giải quyết vụ việc do Tòa án, Trọng tài ra quyết định tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 110 của Luật này.***

**Điều 61. Giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc (sửa đổi, bổ sung Điều 72)**

1. Trường hợp đình chỉ thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật này thì tùy từng trường hợp, Tòa án đang tiến hành ***vụ việc*** phá sản xử lý như sau:

a) Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án, ***phán quyết của Trọng tài*** đã có hiệu lực pháp luật và không có quyết định kê biên tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm thi hành án thì người được thi hành án được ***xác định*** như một chủ nợ không có bảo đảm;

b) Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án, ***phán quyết của Trọng tài*** đã có hiệu lực pháp luật và có quyết định kê biên tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm thi hành án thì người được thi hành án được ***xác định*** như một chủ nợ có bảo đảm.

2. Trường hợp đình chỉ giải quyết vụ việc theo quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật này thì ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ việc do Tòa án***, Trọng tài*** ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ việc chuyển đến, Tòa án đang tiến hành ***vụ việc phá*** sản phải xem xét, giải quyết ***tại phiên họp giải quyết vụ việc, quyết định này có hiệu lực ngay.***

***Người tham gia vụ việc phá sản có quyền khiếu nại quyết định của Tòa án. Căn cứ quyết định giải quyết khiếu nại Tòa án xác định*** nghĩa vụ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện hoặc nghĩa vụ tài sản mà đương sự khác phải thực hiện đối với doanh nghiệp, hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản thì người được doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ về tài sản có quyền yêu cầu được thanh toán trong khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã như một chủ nợ;

b) Trường hợp bên đương sự phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thì phải thanh toán cho doanh nghiệp, hợp tác xã giá trị tương ứng với nghĩa vụ tài sản đó.

***3. Tòa án đang tiến hành thủ tục phục hồi xem xét báo cáo tình hình giải quyết vụ việc quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật này, khi xét thấy việc giải quyết vụ việc không có trở ngại trong việc thực hiện thủ tục phục hồi thì thông báo cho Tòa án, Trọng tài, cơ quan thi hành án dân sự để tiếp tục giải quyết vụ việc trước khi thông qua phương án phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***4. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn trình tự, thủ tục xem xét, quyết định giải quyết vụ việc theo khoản 2 Điều này.***

**Điều 62. Nghĩa vụ của ngân hàng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có tài khoản** **(giữ nguyên Điều 73)**

Kể từ ngày Tòa án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, nghiêm cấm ngân hàng mà doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản có tài khoản thực hiện việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của Tòa án hoặc cơ quan thi hành án dân sự.

**Điều 63. Nghĩa vụ của người lao động (sửa đổi, bổ sung Điều 74)**

Kể từ ngày Tòa án ***quyết định mở thủ tục phục hồi,*** quyết định mở thủ tục phá sản, người lao động có nghĩa vụ bảo vệ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; không được thực hiện hành vi nhằm che giấu, tẩu tán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

**Chương II**

**HÒA GIẢI TRONG THỦ TỤC PHỤC HỒI, PHÁ SẢN**

**Điều 64. Trách nhiệm tiến hành hòa giải (mới)**

***Quản tài viên có trách nhiệm tiến hành hòa giải về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh; tranh chấp, khiếu nại về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã và báo cáo Thẩm phán kết quả hòa giải.***

**Điều 65. Nguyên tắc tiến hành hòa giải (mới)**

***1. Việc hòa giải phải công khai, minh bạch. Các bên tham gia hòa giải được tiếp cận đầy đủ thông tin, được sao chụp tài liệu, giấy tờ liên quan và được thông báo về kết quả thỏa thuận.***

***2. Phiên hòa giải có thể được tổ chức giữa từng chủ nợ, người mắc nợ (hoặc nhóm chủ nợ, người mắc nợ) với doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***3. Kết quả hòa giải phải đảm bảo các yêu cầu sau:***

***a) Đảm bảo tính xác thực của khoản nợ, có tài liệu, chứng cứ hợp pháp để chứng minh khoản nợ;***

***b) Không gây thiệt hại đối với tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***c) Không xung đột lợi ích với các bên khác tham gia vụ việc phá sản, không gây thiệt hại đến lợi ích công cộng và lợi ích của nhà nước.***

**Điều 66. Trình tự, thủ tục phiên hòa giải (Mới)**

***1. Việc hòa giải được tiến hành sau khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phục hồi, mở thủ tục phá sản và trước khi Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh, tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.***

***2. Những trường hợp không được hòa giải, không tiến hành hòa giải được, trình tự, thủ tục phiên hòa giải, biên bản phiên hòa giải, việc ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên, hiệu lực của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng.***

**Điều 67. Xử lý kết quả hòa giải (mới)**

***1. Trường hợp kết quả hòa giải thành có ảnh hưởng đến kế hoạch phục hồi, ý nghĩa quyết định cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp tục phục hồi hoặc chuyển sang thủ tục phá sản thì phải được sự đồng ý của hội nghị chủ nợ. Các trường hợp còn lại thì Thẩm phán ra quyết định và thông báo kết quả hòa giải thành.***

***2. Kết quả hòa giải thành thành được Thẩm phán ra quyết định công nhận và thông báo đối với các bên tham gia hòa giải.***

**Chương III**

**THỦ TỤC PHỤC HỒI**

**Mục 1**

**ĐƠN VÀ THỤ LÝ ĐƠN YÊU CẦU**

**MỞ THỦ TỤC PHỤC HỒI**

**Điều 68. Người có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi (mới)**

***1. Khi nhận thấy doanh nghiệp, hợp tác xã có nguy cơ mất khả năng thanh toán thì những người sau đây có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã:***

***a) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***b) Chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh của công ty hợp danh;***

***c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng trong trường hợp Điều lệ công ty quy định;***

***d) Thành viên, nhóm thành viên có số vốn điều lệ chiếm từ 65% trên tổng số vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; thành viên, nhóm thành viên có số vốn điều lệ chiếm dưới 65% trên tổng số vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp Điều lệ công ty quy định;***

***đ) Thành viên hợp tác xã hoặc người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã;***

***2. Chủ nợ có khoản nợ sẽ đến hạn trong vòng 06 tháng hoặc khoản nợ đã đến hạn nhưng chưa quá 06 tháng kể từ ngày nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi.***

**Điều 69. Đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi (*mới)***

***1. Khi yêu cầu Tòa án mở thủ tục phục hồi, người có quyền yêu cầu mở thủ tục phục hồi phải làm đơn yêu cầu.***

***2. Đơn yêu cầu phải có các nội dung chủ yếu sau:***

***a) Thông tin về người yêu cầu và doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phục hồi;***

***b) Nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết;***

***c) Thông tin về nguy cơ mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phục hồi và chứng cứ chứng minh;***

***d) Quản Tài viên được đề nghị (nếu có);***

***đ) Các nội dung khác mà người yêu cầu thấy cần thiết.***

***3. Trường hợp người nộp đơn là doanh nghiệp, hợp tác xã thì đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu sau:***

***a) Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong 03 năm gần nhất. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và hoạt động chưa đủ 03 năm thì kèm theo báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong toàn bộ thời gian hoạt động. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.***

***b) Bản giải trình nguyên nhân dẫn đến tình trạng có nguy cơ mất khả năng thanh toán; báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khôi phục doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có);***

***c) Bảng kê chi tiết tài sản và thông tin về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***d) Kết quả thẩm định giá, định giá giá trị tài sản còn lại (nếu có);***

***đ) Danh sách các khoản nợ, khoản cho vay có bảo đảm, không có bảo đảm, có bảo đảm một phần đến hạn hoặc chưa đến hạn;***

***e) Kế hoạch sắp xếp người lao động và tình hình thanh toán lương, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác đối với người lao động;***

***g) Giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã.***

**Điều 70. Phương thức nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi (mới)**

1. Người có yêu cầu mở thủ tục phục hồi phải nộp đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo đến Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản có thẩm quyền bằng một trong các phương thức sau:

a) Nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản ***có thẩm quyền hoặc tại Tòa án cấp huyện nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở; trường hợp Tòa án cấp huyện nhận được đơn thì phải chuyển ngay cho Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản có thẩm quyền;***

b) Gửi ***theo đường dịch vụ bưu chính;***

***c) Gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử.***

2. Ngày nộp đơn ***yêu cầu mở thủ tục phục hồi*** được tính từ ngày Tòa án nhận đơn hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.

***3. Trường hợp người nộp đơn gửi đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi bằng phương thức gửi trực tuyến thì ngày nộp đơn là ngày gửi đơn.***

**Điều 71. Phân công Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 31)**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, Chánh án Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sảnphân công một Thẩm phán hoặc Tổ Thẩm phán gồm 03 Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi.

2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về quy chế làm việc của Tổ Thẩm phán quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 72. Xử lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi (Mới)**

***1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét đơn yêu cầu và xử lý như sau:***

***a) Trường hợp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi hợp lệ, Thẩm phán thông báo cho người nộp đơn về việc nộp lệ phí phục hồi, tạm ứng chi phí phục hồi, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phục hồi, tạm ứng chi phí phục hồi.***

***Trường hợp chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi thì Thẩm phán thông báo cho chủ nợ nộp đơn về việc nộp lệ phí phục hồi, tạm ứng chi phí phục hồi sau khi có văn bản đồng ý của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phục hồi.***

***b) Trường hợp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi không đủ các nội dung quy định tại Điều 70 của Luật này thì Thẩm phán thông báo cho người nộp đơn sửa đổi, bổ sung đơn;***

***c) Chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi cho Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản có thẩm quyền nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản khác;***

***d) Trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi.***

***2. Thông báo việc xử lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi phải bằng văn bản và gửi cho người nộp đơn và doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán biết.***

**Điều 73. Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu mở thủ tục *phục hồi,* (sửa đổi, bổ sung Điều 34)**

***Đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi không đủ nội dung quy định tại Điều 70 của Luật này thì Tòa án thông báo cho người nộp đơn biết để sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung do Tòa án ấn định, nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày người nộp đơn nhận được thông báo; trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá 05 ngày làm việc.***

**Điều 74. Chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, cho Tòa án có thẩm quyền và giải quyết đề nghị xem xét lại việc chuyển đơn (mới)**

***1. Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản xử lý đơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 72 của Luật này có trách nhiệm chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản có thẩm quyền và thông báo cho người nộp đơn biết.***

***2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định chuyển đơn thì người nộp đơn hoặc Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản được chuyển đơn có quyền đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền xem xét lại việc chuyển đơn.***

***3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao giải quyết đề nghị xem xét lại việc chuyển đơn. Quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền là quyết định cuối cùng.***

**Điều 75. Trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 35)**

1. Tòa án quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi*** trong các trường hợp sau:

a) Người nộp đơn không đúng theo quy định tại Điều 68 của Luật này;

b) Người nộp đơn không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi*** theo quy định tại Điều 73 của Luật này;

c)Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản*** khác đã mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán;

d) Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi rút đơn yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 77 của Luật này;

đ) Người nộp đơn không nộp lệ phí ***phục hồi,*** tạm ứng chi phí ***phục hồi,*** trừ trường hợp không phải nộp lệ phí ***phục hồi***, tạm ứng chi phí ***phục hồi***.

***e) Có sự gian dối khi yêu cầu mở thủ tục phục hồi.***

***g) Trường hợp khác khi thủ tục phục hồi không phù hợp với lợi ích chung của doanh nghiệp, hợp tác xã, của chủ nợ.***

***h) Chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi nhưng không được sự đồng ý của doanh nghiệp, hợp tác xã.***

2. Quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi*** của Tòa án phải nêu rõ lý do trả lại đơn. Tòa án có trách nhiệm gửi quyết định này cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***, ***Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền*** trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 76. Đề nghị xem xét lại, kiến nghị việc trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 36)**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi*** của Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản***, người yêu cầu có quyền đề nghị xem xét lại, ***Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền*** có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản*** đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xem xét lại, kiến nghị đối với quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***, Chánh án Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản*** đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu phải ra một trong các quyết định sau:

a) Giữ nguyên quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***;

b) Huỷ quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi*** và thụ lý đơn theo quy định của Luật này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kiến nghị đối với quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***, người yêu cầu có quyền đề nghị xem xét lại, Viện kiểm sát ***có thẩm quyền*** có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao xem xét, giải quyết.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu xem xét lại, kiến nghị về việc trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao phải ra một trong các quyết định sau:

a) Giữ nguyên quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***;

b) Huỷ quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi*** và yêu cầu Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sảnthụ lý đơn theo quy định của Luật này.

5. Quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao là quyết định cuối cùng. Quyết định này phải được gửi cho người yêu cầu, Viện kiểm sát đã kiến nghị và Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản*** đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu.

**Điều 77. Thương lượng trước khi mở thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh doanh nghiệp, hợp tác xã (mới)**

***1. Doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền đề nghị thương lượng với chủ nợ trước khi mở thủ tục phục hồi.***

***2. Tòa án xem xét và quyết định việc tiến hành thương lượng trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày ra quyết định.***

***3. Xử lý kết quả thương lượng***

***a) Trường hợp thương lượng thành khi Tòa án chưa thụ lý đơn thì Tòa án trả lại đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo.***

***b) Trường hợp thương lượng thành sau khi Tòa án đã thụ lý đơn thì Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi.***

***c) Trường hợp thương lượng không thành thì Tòa án tiếp tục giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi theo quy định của Luật này.***

**Điều 78. Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 39, 40)**

**1**. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi*** ***khi có căn cứ xác định đã nộp lệ*** phí ***phục hồi,*** tạm ứng chi phí ***phục hồi***. Trường hợp không phải nộp lệ phí ***phục hồi***, tạm ứng chi phí ***phục hồi*** thì thời điểm thụ lý được tính từ ngày Tòa án nhận đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi*** hợp lệ.

***2. Người được quy định tại điểm c đến điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 68 của Luật này nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi thì Tòa án thông báo cho doanh nghiệp, hợp tác xã được yêu cầu mở thủ tục phục hồi biết về yêu cầu phục hồi. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, doanh nghiệp, hợp tác xã phải gửi ý kiến về yêu cầu phục hồi cho Tòa án.***

***a) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã đồng ý mở thủ tục phục hồi thì phải gửi kèm theo ý kiến các giấy tờ, tài liệu được quy định tại khoản 3 Điều 68 của Luật này thì Tòa án xem xét, thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi.***

***b) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không đồng ý với yêu cầu mở thủ tục phục hồi hoặc hết thời hạn nêu trên mà không gửi ý kiến thì Tòa án trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi.***

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đơn, Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản*** phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***, doanh nghiệp, hợp tác xã ***bị yêu cầu mở thủ tục phục hồi*** và Viện kiểm sát nhân dân ***có thẩm quyền*** về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục ***phục hồi***.

**Mục 2**

**MỞ THỦ TỤC PHỤC HỒI**

**Điều 79. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 42)**

***1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, Thẩm phán phải ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phục hồi.***

***2. Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục phục hồi khi doanh nghiệp, hợp tác xã có nguy cơ mất khả năng thanh toán.***

3. Trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định mở thủ tục phục hồi, Thẩm phán có thể triệu tập phiên họp với sự tham gia của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã được yêu cầu mở thủ tục phục hồi, cá nhân, tổ chức có liên quan để xem xét, kiểm tra các căn cứ chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã có nguy cơ mất khả năng thanh toán.

4. Quyết định mở thủ tục ***phục hồi*** phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) ***Thông tin về Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản, Thẩm phán tiến hành thủ tục phục hồi, người đề nghị mở thủ tục phục hồi, doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phục hồi.***

b) ***Thời hạn***, địa điểm chủ nợ, ***người mắc nợ thực hiện*** ***yêu cầu*** khai báo khoản nợ;

***c) Các thông tin khác mà Tòa án xét thấy cần thiết.***

4. Tòa án ra quyết định không mở thủ tục ***phục hồi*** nếu xét thấy doanh nghiệp, hợp tác xã không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trong trường hợp này, người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi được trả lại tiền tạm ứng chi phí ***phục hồi***.

5. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục ***phục hồi*** có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định.

***6. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều này.***

**Điều 80. Thông báo quyết định mở hoặc không mở thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 43)**

1. Quyết định mở thủ tục phục hồi của Tòa án phải được gửi cho người nộp đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ nợ, ***người mắc nợ, cổ đông, thành viên công ty, thành viên hợp tác xã, Viện kiểm sát có thẩm quyền***, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan thuế, ***cơ quan hải quan trong trường hợp doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu,*** cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính, đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao ***khi hết thời hạn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phục hồi quy định tại Điều 81 của Luật này mà không có đề nghị xem xét lại, kháng nghị.***

2. Quyết định không mở thủ tục phục hồi của Tòa án phải được gửi cho người nộp đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phục hồi và ***Viện kiểm sát có thẩm quyền***.

3. Thời hạn gửi quyết định mở hoặc không mở thủ tục phục hồi là 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Điều 81. Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 44)**

1. Trong thời hạn ***10 ngày*** kể từ ngày nhận được quyết định mở hoặc không mở thủ tục ***phục hồi***, người tham gia thủ tục ***phục hồi*** có quyền đề nghị xem xét lại, ***Viện kiểm sát có thẩm quyền*** có quyền kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục ***phục hồi***.

2. ***Trong thời hạn 05 ngày làm việc*** kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sảnđã ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục ***phục hồi*** gửi hồ sơ ***phục hồi*** cho Tòa án nhân dân cấp cao ***thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ*** giải quyết.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc ***phục hồi*** kèm theo đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp caochỉ định Tổ Thẩm phán gồm 03 Thẩm phán xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị và gửi hồ sơ vụ việc ***phục hồi*** cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao***.***

4. Trong thời hạn ***07 ngày*** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc ***phục hồi*** do Tòa án nhân dân cấp caochuyển đến, Viện kiểm sát nhân dân cấp caophải trả lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp cao.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc ***phục hồi*** do Viện kiểm sát nhân dân cấp caotrả lại, Tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp để xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị.

6. Phiên họp của Tổ Thẩm phán có Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp. Trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập người khác để hỏi thêm về những vấn đề chưa rõ.

***7. Kiểm sát viên Viện kiểm sát có thẩm quyền phải tham gia phiên họp; trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.***

8. Tổ Thẩm phán có ***thẩm*** quyền ra một trong các quyết định sau:

a) Giữ nguyên quyết định mở hoặc không mở thủ tục ***phục hồi***;

b) Huỷ ***quyết định mở thủ tục phục hồi hoặc*** quyết định không mở thủ tục ***phục hồi*** và giao cho Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sảnđã ra quyết định không mở thủ tục ***phục hồi*** xem xét, giải quyết lại;

***c)*** Hủy quyết định mở thủ tục ***phục hồi hoặc quyết định không mở thủ tục phục hồi và đình chỉ việc giải quyết vụ việc phá sản;***

***d) Đình chỉ giải quyết việc đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phục hồi trong trường hợp người đề nghị rút đơn đề nghị, Viện kiểm sát có thẩm quyền rút kháng nghị.***

9. Quyết định của Tổ Thẩm phán là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành ***và được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao theo quy định tại khoản 1 Điều 80 của Luật này.***

10. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về Quy chế làm việc của Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục ***phục hồi***.

**Điều 82. Gửi giấy thông báo nợ (sửa đổi, bổ sung Điều 66)**

***1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phục hồi, chủ nợ, người mắc nợ phải gửi giấy thông báo nợ cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; trường hợp cần thiết, Tòa án có thể gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá 20 ngày. Trường hợp bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan không tính vào thời hạn này.***

***2. Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này mà chủ nợ không gửi giấy thông báo nợ thì mất quyền tham gia thủ tục phục hồi, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.***

***3. Trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc chủ nợ chứng minh được mình không thể biết doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án ra quyết định mở thủ tục phục hồi thì có quyền gửi giấy thông báo nợ và Tòa án bổ sung vào danh sách chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã. Kể từ thời điểm được bổ sung vào danh sách chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ nợ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ nợ theo quy định của Luật này.***

***4. Đối với khoản nợ phát sinh sau khi hết thời hạn kê khai quy định tại khoản 1 Điều này thì phải tiến hành kê khai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh khoản nợ.***

**Điều 83. Lập danh sách chủ nợ, người mắc nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 67, Điều 68)**

***1. Khi nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi , doanh nghiệp, hợp tác xã phải lập và gửi cho Tòa án danh sách chủ nợ, người mắc nợ và thông tin, tài liệu liên quan đến khoản nợ.***

***2. Danh sách chủ nợ, người mắc nợ phải ghi rõ tên, địa chỉ, số nợ của mỗi chủ nợ, người mắc nợ, khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn và các thông tin cần thiết khác.***

***3. Căn cứ danh sách do doanh nghiệp, hợp tác xã cung cấp, Quản tài viên hoàn thiện danh sách chủ nợ, người mắc nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã và báo cáo Thẩm phán.***

***4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách chủ nợ, người mắc nợ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, thì Tòa án thông báo danh sách chủ nợ, người mắc nợ cho chủ nợ, người mắc nợ.***

***5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người tham gia thủ tục phục hồi có quyền đề nghị Thẩm phán xem xét lại danh sách chủ nợ, người mắc nợ. Thẩm phán có thể triệu tập các bên liên quan xem xét, giải quyết đề nghị, nếu thấy đề nghị có căn cứ thì sửa đổi, bổ sung vào danh sách chủ nợ, người mắc nợ.***

***Quá thời hạn nêu trên đến trước khi Thẩm phán thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ, nếu có lý do chính đáng và quyền, lợi ích bị ảnh hưởng thì người tham gia thủ tục phục hồi có thể đề nghị Thẩm phán xem xét sửa đổi, bổ sung danh sách chủ nợ, người mắc nợ.***

**Điều 84. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 47)**

1. Sau khi có quyết định mở thủ tục ***phục hồi*** doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh, nhưng phải chịu sự giám sát của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ***và Ban đại diện chủ nợ***.

2. Trường hợp xét thấy người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, ***người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã*** không có khả năng điều hành, doanh nghiệp, hợp tác xã có dấu hiệu vi phạm khoản 1 Điều 85 của Luật này thì theo đề nghị của ***Ban đại diện chủ nợ*,** Hội nghị chủ nợ, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ***hoặc người quy định tại*** ***điểm b*** ***khoản 1 Điều 68 của Luật này,*** Thẩm phán ra quyết định:

***Phương án 1:*** Chỉ định người khác là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã.

***Phương án 2:*** Chỉ định người cố vấn để doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Người cố vấn có thẩm quyền tư vấn, phê duyệt một số hoạt động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã. Chi phí thù lao cho người cố vấn thực hiện như chi phí thù lao đối với Quản tài viên, doanh nghiệp, quản lý thanh lý tài sản.

**Điều 85. Hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã bị cấm sau khi có quyết định mở thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 48)**

1. Sau khi có quyết định mở thủ tục ***phục hồi***, cấm doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các hoạt động sau:

a) Cất giấu, tẩu tán, tặng cho tài sản;

b) Thanh toán khoản nợ không có bảo đảm, trừ khoản nợ không có bảo đảm phát sinh sau khi mở thủ tục ***phục hồi*** và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại điểm c khoản 1 Điều 86 của Luật này;

d Từ bỏ quyền đòi nợ;

đ) Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

***e) Phân chia lợi nhuận hoặc lãi, phân phối thu nhập;***

2. Giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này là vô hiệu và xử lý theo quy định tại Điều 48 của Luật này.

**Điều 86. Giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phục hồi (Sửa đổi, bổ sung Điều 49)**

1. Sau khi có quyết định mở thủ tục ***phục hồi***, doanh nghiệp, hợp tác xã phải báo cáo Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trước khi thực hiện các hoạt động sau:

a) Hoạt động liên quan đến việc vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản; bán, chuyển đổi cổ phần; chuyển quyền sở hữu tài sản;

***b) Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;***

c) Chấm dứt thực hiện hợp đồng có hiệu lực;

d) Thanh toán khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phục hồi; trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã.

***đ) Thanh toán khoản nợ hoặc nhận thanh toán khoản nợ mà không phù hợp với phương án phục hồi;***

***e) Các giao dịch khác mà không phục vụ lợi ích của doanh nghiệp, hợp tác xã.***

2. Hình thức báo cáo gồm báo cáo trực tiếp, ***dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử.***

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm trả lời cho doanh nghiệp, hợp tác xã việc được thực hiện hoặc không được thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này và phải chịu trách nhiệm về việc trả lời của mình. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải báo cáo Thẩm phán về nội dung trả lời của mình.

4. Các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện mà không có sự đồng ý của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì bị đình chỉ thực hiện, khôi phục lại tình trạng ban đầu và giải quyết hậu quả theo quy định của pháp luật.

**Mục 3**

**XÂY** **DỰNG**  **PHƯƠNG** **ÁN**

**PHỤC** **HỒI HOẠT ĐỘNG** **KINH** **DOANH**

**Điều** **87.** **Xây** **dựng** **phương** **án** **phục** **hồi** **hoạt** **động** **kinh** **doanh(Sửa đổi, bổ sung Điều 87)**

***1. Trong thời hạn 02 tháng, trường hợp phức tạp thì không quá 03 tháng kể từ ngày mở thủ tục phục hồi, việc lập phương án phục hồi hoạt động kinh doanh được thực hiện như sau:***

***a) Người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;***

***b) Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm, cổ đông, người sở hữu cổ phần, vốn góp của doanh nghiệp có quyền đề xuất phương án phục hồi hoạt động kinh doanh và gửi cho người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***Trên cơ sở đề xuất của chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm, cổ đông, người sở hữu cổ phần, vốn góp của doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ nghiên cứu để xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ gửi phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chủ nợ cho ý kiến.***

***3***. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ nợ, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi ý kiến cho doanh nghiệp, hợp tác xã để hoàn thiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh báo cáo Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chủ nợ, Ban đại diện chủ nợ (nếu có).

***4. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tòa án có thể yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, Công đoàn cơ sở hoặc công đoàn cấp trên cơ sở nơi doanh nghiệp, hợp tác xã không có công đoàn cơ sở nêu ý kiến về phương án phục hồi.***

5. Ngay sau khi nhận được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có nhiệm vụ báo cáo Thẩm phán.

6. Trong thời hạn ***05 ngày làm việc*** kể từ ngày nhận được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Thẩm phán xem xét, ***quyết định triệu tập*** Hội nghị chủ nợ.

***7. Trường hợp người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã không nộp phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đúng thời hạn quy định tại Điều này thì Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***8. Trường hợp người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã không nộp phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và xem xét quyết định mở thủ tục phá sản.***

**Điều** **88.** **Nội** **dung** **phương** **án** **phục** **hồi** **hoạt** **động** **kinh** **doanh** **(Sửa** **Điều** **88)**

1. Phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải nêu rõ các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh; các điều kiện, thời hạn và kế hoạch thanh toán các khoản nợ.

2. Các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh gồm:

a) Huy động vốn;

b) Giảm nợ, miễn nợ, hoãn nợ;

c) Thay đổi mặt hàng sản xuất, kinh doanh;

d) Đổi mới công nghệ sản xuất;

đ) Tổ chức lại bộ máy quản lý, sáp nhập hoặc chia tách bộ phận sản xuất;

e) Bán cổ phần cho chủ nợ và những người khác;

g) Bán hoặc cho thuê tài sản;

***h) Thay đổi toàn bộ hoặc một phần quyền của người sở hữu vốn góp, người sở hữu cổ phần;***

***i) Việc thanh toán các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước;***

***k) Việc sử dụng khoản lợi nhuận vượt mức dự kiến theo phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;***

***l) Việc xử lý các biện pháp bảo toàn tài sản đang được áp dụng;***

l) Các biện pháp khác không trái quy định của pháp luật.

3. Trường hợp phương án phục hồi hoạt động kinh doanh có sử dụng tài sản bảo đảm thì phải quy định rõ thời gian sử dụng tài sản có bảo đảm, phương án xử lý tài sản bảo đảm và phải được chủ nợ có bảo đảm bằng tài sản đó đồng ý.

**Điều** **89.** **Thời** **hạn** **thực** **hiện** **phương** **án** **phục** **hồi** **hoạt** **động** **kinh** **doanh (Sửa đổi, bổ sung Điều 89)**

1.

***Phương án 1:***

Thời hạn để thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã theo Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh ***nhưng không quá 05 năm kể từ ngày Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh***.

***Phương án 2:***

Thời hạn để thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã theo Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

2. Trường hợp Hội nghị chủ nợ không xác định được thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã thì thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh là không quá 03 năm kể từ ngày Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

**Mục 4**

**HỘI NGHỊ CHỦ NỢ**

**Điều 90. Nguyên** **tắc** **tiến** **hành** **Hội** **nghị** **chủ** **nợ** **(Giữ nguyên Điều 76)**

1. Tôn trọng thỏa thuận của người tham gia nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

2. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của người tham gia.

3. Công khai trong việc tiến hành Hội nghị chủ nợ.

**Điều 91. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội nghị chủ nợ (Mới)**

***1. Thông qua danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ;***

***2. Xem xét chi phí, thù lao của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;***

***3. Lựa chọn, thay đổi thành viên Ban đại diện chủ nợ;***

***4. Thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác mà Tòa án cho rằng Hội nghị chủ nợ phải thực hiện.***

**Điều** **92. Quyền** **tham** **gia** **Hội** **nghị** **chủ** **nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 77)**

Những người sau đây có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ:

1. Chủ nợ có tên trong danh sách chủ nợ. Chủ nợ có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia Hội nghị chủ nợ và người được ủy quyền có quyền, nghĩa vụ như chủ nợ;

***Chủ nợ không tham gia Hội nghị chủ nợ nhưng có ý kiến bằng văn bản gửi cho Thẩm phán trước ngày tổ chức Hội nghị chủ nợ, trong đó ghi rõ ý kiến cụ thể về các vấn đề thuộc nội dung Hội nghị chủ nợ thì coi như tham gia và biểu quyết tại Hội nghị chủ nợ***.

2. Đại diện cho người lao động, công đoàn ***cơ sở***, ***tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp*** được người lao động ủy quyền. Trường hợp này đại diện cho người lao động, công đoàn ***cơ sở, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp*** có quyền, nghĩa vụ như chủ nợ.

**Điều 93.** **Nghĩa** **vụ** **tham** **gia** **Hội** **nghị** **chủ** **nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 78, khoản 2 Điều 79)**

***1. Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi quy định tại Điều 68 của Luật này, người quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ***; trường hợp không tham gia được thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia Hội nghị chủ nợ và người được ủy quyền có quyền, nghĩa vụ như người ủy quyền.

2. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải tham gia Hội nghị chủ nợ.

**Điều** **94.** **Điều** **kiện** **hợp** **lệ** **của** **Hội** **nghị** **chủ** **nợ** **(Sửa đổi, bổ sung Điều 90)**

***Có số chủ nợ tham gia đại diện cho ít nhất 65% tổng số nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã.***

**Điều** **95. Triệu tập Hội nghị chủ nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 75)**

1. Thời hạn ***tổ chức*** Hội nghị chủ nợ là 20 ngày ***kể từ ngày nhận được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.***

2. Thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ và tài liệu khác có liên quan phải được gửi cho người có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ và người có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc Hội nghị.

**Điều 96. Hoãn Hội nghị chủ nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 80)**

1. Hội nghị chủ nợ được hoãn nếu không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 94 của Luật này; trường hợp hoãn Hội nghị chủ nợ thì ***Quản tài viên*** lập biên bản và ghi ý kiến của người tham gia Hội nghị chủ nợ. ***Tòa án*** phải thông báo ***công khai tại Hội nghị chủ nợ*** cho người tham gia thủ tục phục hồi, ***đối với người vắng mặt thì Tòa án gửi ngay cho cho thông báo*** về việc hoãn Hội nghị chủ nợ. ***Thông báo hoãn Hội nghị chủ nợ phải có*** thời gian, địa điểm mở lại Hội nghị chủ nợ.

***2. Trường hợp sau khi hoãn Hội nghị chủ nợ mà Tòa án không thể mở lại Hội nghị chủ nợ đúng thời gian, địa điểm ghi trong thông báo thì Tòa án phải thông báo ngay cho những người tham gia thủ tục phục hồi về thời gian, địa điểm mở lại Hội nghị chủ nợ.***

***3. Trường hợp triệu tập lại Hội nghị chủ nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn không đáp ứng quy định tại Điều 94 của Luật này thì Quản tài viên lập biên bản và Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.***

**Điều 97. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 91)**

1. Hội nghị chủ nợ được tiến hành như sau:

a) Thẩm phán được phân công phụ trách khai mạc Hội nghị chủ nợ;

b) Hội nghị chủ nợ biểu quyết thông qua việc cử Thư ký Hội nghị chủ nợ theo đề xuất của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để ghi biên bản Hội nghị chủ nợ;

c) Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia Hội nghị chủ nợ theo thông báo triệu tập của Tòa án nhân dân, lý do vắng mặt và kiểm tra căn cước của người tham gia Hội nghị chủ nợ;

d) Thẩm phán thông báo với Hội nghị chủ nợ về những người tham gia Hội nghị chủ nợ;

đ) Đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã trình bày phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;

e) Người tham gia Hội nghị chủ nợ trình bày ý kiến của mình về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;

g) Hội nghị chủ nợ thảo luận và biểu quyết thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

***2***. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua khi:

***Được các chủ nợ đại diện cho từ 65% trở lên tổng số nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã biểu quyết tán thành.***

***3. Trường hợp không đủ tỷ lệ biểu quyết quy định tại khoản 4 Điều này mà xét thấy phương án phục hồi có tính khả thi thì người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc Quản tài viên có thể thuyết minh, giải trình bổ sung với chủ nợ không đồng ý về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Những chủ nợ đã biểu quyết không tán thành có thể biểu quyết lại.***

4. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có hiệu lực bắt buộc đối với tất cả các chủ nợ.

5. Hội nghị chủ nợ không thông qua được Nghị quyết theo khoản 2 Điều này thì Tòa án ***ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.***

**Điều** **98.** **Công** **nhận** **nghị** **quyết** **của** **Hội** **nghị** **chủ** **nợ** **thông** **qua** **phương** **án** **phục** **hồi** **hoạt** **động** **kinh** **doanh** **của** **doanh** **nghiệp,** **hợp** **tác** **xã(Sửa đổi, bổ sung Điều 92)**

1. ***Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã,*** Thẩm phán phải xem xét, ra quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, ***trừ trường hợp vi phạm thủ tục quy định tại Luật này, vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội, nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức cá nhân khác***. Nghị quyết này ***có hiệu lực kể từ ngày Thẩm phán ra quyết định công nhận*** và có hiệu lực đối với tất cả người tham gia thủ tục phục hồi.

2. Kể từ ngày nghị quyết Hội nghị chủ nợ có hiệu lực thì ***những*** biện pháp ***tạm dừng, tạm hoãn, cấm, giám sát đã áp dụng đối với*** doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại điều 54, 55, 85 và 86 của Luật này ***đương nhiên*** chấm dứt.

3. Tòa án gửi quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã được áp dụng thủ tục phục hồi, ***Viện kiểm sát có thẩm quyền*** trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

**Mục 5**

**THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Điều 99. Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh (Giữ nguyên Điều 93)**

1. Sau khi Thẩm phán ra quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, ***Ban đại diện chủ nợ,*** chủ nợ giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. ***Ba*** tháng một lần, doanh nghiệp, hợp tác xã phải lập báo cáo về tình hình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, ***Ban đại diện chủ nợ hoặc chủ nợ***. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm báo cáo Thẩm phán.

**Điều 100. Sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh(Sửa đổi, bổ sung Điều 94)**

1. Trong quá trình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, các chủ nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

***2. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã được chấp nhận khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 97 của Luật này.***

3. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi văn bản đề nghị Thẩm phán ra quyết định công nhận ***Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ*** về sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Quyết định công nhận ***Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ*** về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã được gửi cho doanh nghiệp, hợp tác xã và chủ nợ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 101. Đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi.**

***1. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, Tòa án đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi trong các trường hợp sau đây:***

***a) Trường hợp quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 87 của Luật này;***

***b) Hội nghị chủ nợ không thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;***

***c) Thẩm phán quyết định không công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;***

***2. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi thì tiền tạm ứng chi phí phục hồi được xử lý theo quy định tại Điều 39 của Luật này.***

***3. Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi có thể được khiếu nại, kiến nghị theo quy định của Luật này.***

**Điều 102 Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi (Mới)**

***1. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 103 và khoản 7 Điều 87 của Luật này thì Thẩm phán giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi, có trách nhiệm ra thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; doanh nghiệp, hợp tác xã quay trở lại hoạt động bình thường.***

***2. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 103 và khoản 8 Điều 87 của Luật này thì Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***3. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 103 và doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thì Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán thì Thẩm phán giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi, có trách nhiệm ra thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.***

***4. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 103 và doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán thì Thẩm phán giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi, có trách nhiệm ra thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.***

***5. Tòa án không trả lại lệ phí trong các trường hợp đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi; Tòa án hoàn trả tạm ứng chi phí phục hồi còn lại cho người đã đóng tạm ứng trong trường hợp tại khoản 1, khoản 3 nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán và khoản 4 của Điều này.***

***6. Trường hợp Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, trừ trường hợp phải thay đổi theo quy định tại Điều 21 của Luật này. Những thủ tục đã được thực hiện trong quá trình giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi thì không thực hiện lại. Tạm ứng chi phí phục hồi trong trường hợp này được tiếp tục xử lý trong quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.***

**Điều 103. Đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh (Sửa đổi, bổ sung Điều 95)**

1. Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã ***bị mở thủ tục phục hồi*** nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã đã thực hiện xong phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

2. Tòa án thông báo công khai quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định Luật này.

**Điều 104. Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh (*Sửa đổi, bổ sung* Điều 96)**

***1. Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 103 của Luật này mà doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện thành công phương án phục hồi hoạt động kinh doanh thì được coi là không còn mất khả năng thanh toán. Thẩm phán giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi, có trách nhiệm ra thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.***

***2. Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 103 của Luật này mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện thành công phương án phục hồi hoạt động kinh doanh thì bị coi là mất khả năng thanh toán. Thẩm phán căn cứ tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã và các quy định về thủ tục phá sản của Luật này để quyết định mở thủ tục phá sản hoặc tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.***

3. Trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 103 của Luật này thì doanh nghiệp, hợp tác xã được coi là không còn mất khả năng thanh toán. Thẩm phán giải quyết ***yêu cầu mở thủ tục phục hồi,*** có trách nhiệm ra thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

4. Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 103 của Luật này, ***Thẩm phán căn cứ tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã và các quy định về thủ tục phá sản của Luật này để quyết định mở thủ tục phá sản hoặc tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.***

***5. Tòa án không trả lại lệ phí trong các trường hợp đình chỉ thủ tục phục hồi; Tòa án hoàn trả tạm ứng chi phí phục hồi còn lại cho người đã đóng tạm ứng trong trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.***

***6. Trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 4 của Điều này thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, trừ trường hợp phải thay đổi theo quy định tại Điều 21 của Luật này. Những thủ tục đã được thực hiện hợp lệ trong quá trình phục hồi tương tự như trong quá trình giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà không có sự thay đổi thì không thực hiện lại. Tạm ứng chi phí phục hồi trong trường hợp này được tiếp tục xử lý trong quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã đã thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng không thành công hoặc trường hợp xác định doanh nghiệp, hợp tác xã không còn tiền, tài sản thì Tòa án không tiến hành thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh.***

**Chương IV**

**THỦ TỤC PHÁ SẢN**

**Mục 1**

**ĐƠN VÀ THỤ LÝ ĐƠN YÊU CẦU**

**MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN**

**Điều 105. Người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 5)**

1. Người có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, bao gồm:

a) Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần, ***chủ nợ có bảo đảm*** ***nhưng tài sản bảo đảm không còn tồn tại*** có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán;

b) Người lao động, công đoàn cơ sở, ***tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp*** có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả lương, các khoản nợ khác đến hạn đối với người lao động mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng nhưng Điều lệ của công ty có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán trong trường hợp Điều lệ công ty quy định;

***d) Thành viên, nhóm thành viên có số vốn điều lệ chiếm từ 65% trên tổng số vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; thành viên, nhóm thành viên có số vốn điều lệ chiếm dưới 65% trên tổng số vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh công ty trách nhiệm hữu hạn mất khả năng thanh toán trong trường hợp Điều lệ công ty quy định;***

***đ***) Thành viên hợp tác xã hoặc người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mất khả năng thanh toán;

***e) Đại hội đồng cổ đông có quyền biểu quyết yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng.***

***2***. Người có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, bao gồm:

a) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

b) Chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh của công ty hợp danh có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

***c) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đang tiến hành thủ tục giải thể mà mất khả năng thanh toán.***

***d) Tổ chức tín dụng có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng vẫn mất khả năng thanh toán;***

***đ) Bộ Tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được Bộ Tài chính ban hành văn bản chấm dứt áp dụng biện pháp kiểm soát có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.***

3. Những người theo quy định tại khoản 2 Điều này không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trường hợp có thiệt hại phát sinh sau thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán do việc không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gây ra thì phải bồi thường.

**Điều 106. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (Gộp Điều 26, Điều 27, Điều 28 và Điều 29)**

***1.*** Khi yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản***, người có quyền, nghĩa vụ yêu cầu mở thủ tục phá sản phải làm đơn yêu cầu.***

***2. Đơn yêu cầu phải có các nội dung chủ yếu sau:***

***a) Thông tin về người yêu cầu và doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phục hồi;***

***b) Nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết;***

***c) Thông tin về tình trạng mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản và chứng cứ chứng minh;***

***d) Quản Tài viên được đề nghị (nếu có);***

***đ) Các nội dung khác mà người yêu cầu thấy cần thiết.***

***3. Trường hợp người nộp đơn là doanh nghiệp, hợp tác xã thì đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu sau:***

***a) Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong 03 năm gần nhất được kiểm toán theo quy định của pháp luật*** ***trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã ngừng hoạt động trên 12 tháng hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và hoạt động chưa đủ 03 năm thì kèm theo báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong toàn bộ thời gian hoạt động.***

***b) Bản giải trình nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán; báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khôi phục doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có);***

***c) Bảng kê chi tiết tài sản và thông tin về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***d) Kết quả thẩm định giá, định giá giá trị tài sản còn lại (nếu có);***

***đ) Danh sách các khoản nợ, khoản cho vay có bảo đảm, không có bảo đảm, có bảo đảm một phần đến hạn hoặc chưa đến hạn;***

***e) Kế hoạch sắp xếp người lao động và tình hình thanh toán lương, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác đối với người lao động;***

***g) Giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***4. Phương thức nộp đơn yêu cầu thực hiện theo quy định tại Điều 70 của Luật này.***

**Điều 107. Xử lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 32)**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét đơn yêu cầu và xử lý như sau:

a) Trường hợp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, Thẩm phán thông báo cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản về việc nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản;

***b) Trường hợp vừa có đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, vừa có đơn yêu cầu phá sản thì Thẩm phán xem xét nếu đủ điều kiện thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi thì thông báo cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi về việc nộp lệ phí phục hồi, tạm ứng chi phí phục hồi, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phục hồi, tạm ứng chi phí phục hồi hoặc thực hiện theo quy định tại một trong các điểm d, đ, e khoản này;***

***Trường hợp không đủ điều kiện thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi thì tùy trường hợp mà thực hiện theo quy định tại một trong các điểm a, d, đ, e khoản này;***

***c) Trường hợp sau khi thụ lý đơn yêu cầu phá sản mà có đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi thì Thẩm phán xem xét, yêu cầu người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng phương án phục hồi theo quy định tại Điều 87 của Luật này.***

***Người có đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi phải nộp tạm ứng chi phí phục hồi, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phục hồi, tạm ứng chi phí phục hồi;***

d) Trường hợp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không đủ các nội dung quy định tại ***Điều 106*** của Luật này thì Thẩm phán thông báo cho người nộp đơn sửa đổi, bổ sung đơn;

đ) Chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản có thẩm quyền*** nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản*** khác;

e) Trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

2. Thông báo việc xử lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải bằng văn bản và gửi cho người nộp đơn và doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán biết.

***3. Việc phân công Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; thông báo sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản*; *chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được thực hiện như quy định đối với đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi quy định tại các Điều 71, 73 và 74 của Luật này.***

**Điều 108. Trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 35)**

Việc xem xét trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật này trong các trường hợp sau:

a) Người nộp đơn không đúng theo quy định tại Điều 105 của Luật này;

b) Người nộp đơn không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 73 của Luật này;

c)Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản*** khác đã mở thủ tục phá sản ***hoặc đã mở thủ tục phục hồi*** đối với doanh nghiệp, hợp tác xã;

d) Người nộp đơn không nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản.

***e) Trường hợp khác khi thủ tục phá sản không phù hợp với lợi ích chung của doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ nợ.***

2. Quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của Tòa án phải nêu rõ lý do trả lại đơn. Tòa án có trách nhiệm gửi quyết định này cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, ***Viện kiểm sát có thẩm quyền*** trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

***3. Đề nghị xem xét lại, kiến nghị việc trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và việc giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị việc trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thực hiện theo quy định tại Điều 76 của Luật này.***

**Điều 109. Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục thủ tục phá sản** **(Sửa đổi, bổ sung Điều 39, 40)**

1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi có căn cứ xác định đã nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản. Trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản thì thời điểm thụ lý được tính từ ngày Tòa án nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ.

***2***. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đơn, Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản*** phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục ***phá sản***, doanh nghiệp, hợp tác xã ***bị yêu cầu mở thủ tục phá sản***, các cơ quan, tổ chức đang giải quyết vụ việc liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã ***bị yêu cầu mở thủ tục phá sản, chủ nợ*** do các bên cung cấp và Viện kiểm sát nhân dân ***có thẩm quyền*** về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục ***phá sản***.

***3. Sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, các vụ án khởi kiện đối với doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ được giải quyết tại Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.***

**Điều 110. Tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 41)**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, ***kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ việc phá sản***, việc tạm đình chỉ thực hiện nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán được thực hiện như sau:

1. Cơ quan thi hành án dân sự phải tạm đình chỉ thi hành án dân sự về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã là người phải thi hành án, trừ bản án, quyết định ***sau đây:***

***a) Bản án, quyết định*** buộc doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự hoặc trả lương cho người lao động;

***b) Quyết định kê biên tài sản của doanh nghiệp để sung công quỹ nhà nước hoặc để bồi thường cho bị hại, người bị thiệt hại;***

***c) Bản án, quyết định về tài sản của bên thứ ba để bảo đảm nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã.***

Việc tạm đình chỉ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. ***Cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo kịp thời việc thi hành các bản án, quyết định quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này cho Tòa án đã thụ lý vụ việc phá sản.***

2. Tòa án, Trọng tài phải tạm đình chỉ việc giải quyết vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động có liên quan đến nghĩa vụ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự. Thủ tục tạm đình chỉ được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự và pháp luật về trọng tài thương mại.

Tòa án phải tách và tạm đình chỉ giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự, hành chính liên quan đến nghĩa vụ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự. Thủ tục tách và tạm đình chỉ được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, tố tụng hành chính;

3. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tạm đình chỉ việc xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với các chủ nợ có bảo đảm.

Trường hợp tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì xử lý theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 42 của Luật này.

**Điều 111. Thương lượng *(Sửa đổi, bổ sung Điều 37)***

***1. Sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và trước khi ra quyết định doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã có thể nộp đơn đề nghị Tòa án để các bên thương lượng kèm theo dự thảo thỏa thuận thương lượng.***

***2. Tòa án xem xét nội dung đề nghị thương lượng, nếu xét thấy đề nghị thương lượng tuân thủ các quy định của Luật này thì Tòa án quyết định cho phép thương lượng và tổ chức hội nghị chủ nợ để thảo luận về dự thảo nội dung thương lượng.***

***Chủ nợ được bảo đảm bằng tài sản cụ thể của con nợ có thể thực thi quyền của mình kể từ ngày Tòa án quyết định cho phép thương lượng.***

***3. Nghị quyết về thỏa thuận thương lượng phải được thông qua tại hội nghị chủ nợ với sự đồng thuận của hơn một nửa chủ nợ có quyền bỏ phiếu, đại diện cho 2/3 tổng khoản nợ không có bảo đảm trở lên.***

***4. Trường hợp hội nghị chủ nợ thông qua thỏa thuận thương lượng, Tòa án ra quyết định công nhận thỏa thuận thương lượng và chấm dứt thủ tục thương lượng và công bố công khai.***

***5. Quản tài viên chuyển giao tài sản và hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã và báo cáo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình cho Tòa án.***

***6. Trường hợp hội nghị chủ nợ không thông qua dự thảo thỏa thuận thương lượng hoặc dự thảo thỏa thuận thương lượng được hội nghị chủ nợ thông qua nhưng Tòa án không ra quyết định công nhận thỏa thuận thương lượng thì Tòa án phải quyết định chấm dứt thủ tục thương lượng và tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.***

***7. Thỏa thuận thương lượng được Tòa án ra quyết định công nhận có giá trị đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và tất cả các chủ nợ liên quan đến thỏa thuận.***

**Mục 2**

**MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN**

**Điều 112. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 42)**

1. Trong thời hạn 30 ngày***,*** kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, ***hoặc 60 ngày*** ***đối với đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã không có báo cáo tài chính được kiểm toán bắt buộc theo quy định của pháp luật,*** Thẩm phán phải ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 143 của Luật này.

2. Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

3. Trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định mở thủ tục phá sản, Thẩm phán có thể triệu tập phiên họp với sự tham gia của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản, cá nhân, tổ chức có liên quan để xem xét, kiểm tra các căn cứ chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

4. Quyết định mở thủ tục phá sản phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) ***Thông tin về Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản, Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản, người đề nghị mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản***

b) Thời gian, địa điểm khai báo của các chủ nợ, ***người mắc nợ*** và hậu quả pháp lý của việc không khai báo;

c) Các thông tin khác mà Tòa án xét thấy cần thiết.

5. Tòa án ra quyết định không mở thủ tục phá sản nếu xét thấy doanh nghiệp, hợp tác xã không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trong trường hợp này, người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được trả lại tiền tạm ứng chi phí phá sản; yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản đã bị tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 110 của Luật này được tiếp tục giải quyết.

6. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 113. Thông báo quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 43)**

Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án phải được gửi cho người nộp đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ nợ, ***người mắc nợ, cổ đông, thành viên công ty, thành viên hợp tác xã, Viện kiểm sát có thẩm quyền***, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan thuế, ***cơ quan hải quan trong trường hợp doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu,*** cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính, ***Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp là công ty đại chúng,*** đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối caovà ***Ủy ban nhân dân*** nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính ***khi hết thời hạn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản quy định tại Điều 114 của Luật này mà không có đề nghị xem xét lại, kháng nghị.***

**Điều 114. Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 44)**

1. Trong thời hạn ***10 ngày*** kể từ ngày nhận được quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, người tham gia thủ tục phá sản có quyền đề nghị xem xét lại, ***Viện kiểm sát có thẩm quyền*** có quyền kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản.

2. ***Trong thời hạn 05 ngày làm việc*** kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sảnđã ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản gửi hồ sơ phá sản cho Tòa án nhân dân cấp cao ***thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ*** giải quyết.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp caochỉ định Tổ Thẩm phán gồm 03 Thẩm phán xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị và gửi hồ sơ vụ việc phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao***.***

4. Trong thời hạn ***07 ngày*** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản do Tòa án nhân dân cấp caochuyển đến, Viện kiểm sát nhân dân cấp caophải trả lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp cao.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản do Viện kiểm sát nhân dân cấp caotrả lại, Tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp để xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị.

6. Phiên họp của Tổ Thẩm phán có Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp. Trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập người khác để hỏi thêm về những vấn đề chưa rõ.

7. Tổ Thẩm phán có quyền ra một trong các quyết định sau:

a) Giữ nguyên quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;

b) Huỷ ***quyết định mở thủ tục phá sản hoặc*** quyết định không mở thủ tục ***phá sản*** và giao cho Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sảnđã ra quyết định không mở thủ tục ***phá sản*** xem xét, giải quyết lại;

***c)*** Hủy quyết định mở thủ tục ***phá sản hoặc quyết định không mở thủ tục phá sản và đình chỉ việc giải quyết vụ việc phá sản;***

***d) Đình chỉ giải quyết việc đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản trong trường hợp người đề nghị rút đơn đề nghị, Viện kiểm sát có thẩm quyền rút kháng nghị.***

***9***. Quyết định của Tổ Thẩm phán là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành. Quyết định này ***được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao theo quy định tại Điều 113 của Luật này.***

10. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về Quy chế làm việc của Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản.

**Điều 115. Gửi giấy thông báo nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 66)**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, chủ nợ, ***người mắc nợ*** phải gửi giấy thông báo nợ cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản***; trường hợp cần thiết, Tòa án có thể gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá 20 ngày. Trường hợp bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan không tính vào thời hạn này.***

***2. Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này mà chủ nợ không gửi giấy thông báo nợ thì mất quyền tham gia thủ tục phá sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.***

***3. Trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc chủ nợ chứng minh được mình không thể biết doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản thì có quyền gửi giấy thông báo nợ và Tòa án bổ sung vào danh sách chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã trước khi Tòa án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Kể từ thời điểm được bổ sung vào danh sách chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ nợ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ nợ theo quy định của Luật này.***

***4. Đối với khoản nợ phát sinh sau khi hết thời hạn kê khai quy định tại khoản 1 Điều này thì phải tiến hành kê khai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh khoản nợ.***

**Điều 116. Xử lý trường hợp chủ nợ gửi giấy đòi nợ sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (mới)**

***Sau khi Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản và trước khi thi hành xong quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, chủ nợ gửi giấy đòi nợ cho Tòa án và chứng minh được có lý do chính đáng trong việc không gửi giấy đòi nợ trong thời hạn quy định thì Thẩm phán đã giải quyết phá sản đề nghị cơ quan thi hành án cung cấp thông tin về kết quả thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Căn cứ vào kết quả thi hành quyết định tuyên bố phá sản, Thẩm phán giải quyết như sau:***

***1. Trường hợp đã thi hành xong quyết định tuyên bố phá sản thì Thẩm phán ra thông báo về việc không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của chủ nợ.***

***2. Trường hợp chưa thực hiện phương án phân chia tài sản thì Thẩm phán giải quyết như sau:***

***a) Thẩm phán /Quản tài viên tiến hành xác minh khoản nợ, yêu cầu chủ nợ cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản nợ;***

***b) Thẩm phán thông báo về khoản nợ cho những người tham gia thủ tục phá sản (hoặc mở phiên họp xác minh khoản nợ);***

***c) Trường hợp khoản nợ là đúng thì Quản tài viên sửa đổi, bổ sung danh sách chủ nợ;***

***d) Thẩm phán điều chỉnh lại phương án phân chia tài sản;***

***đ) Thẩm phán ra quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định tuyên bố phá sản.***

***Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định tuyên bố phá sản phải được gửi cho cơ quan thi hành án, Viện kiểm sát nhân dân và người tham gia thủ tục phá sản.***

***3. Trường hợp cơ quan thi hành án mới thực hiện được một phần phương án phân chia tài sản (còn tài sản chưa phân chia) thì chủ nợ mới chỉ được phân chia tỷ lệ theo phương án phân chia tài sản trong quyết định tuyên bố phá sản (sửa đổi, bổ sung) đối với tài sản còn lại chưa chia.***

***4. Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố phá sản sửa đổi, bổ sung.***

**Điều 117. Lập danh sách chủ nợ, người mắc nợ (sửa đổi, bổ sung Điều 67, Điều 68)**

***1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách chủ nợ, người mắc nợ, xác minh khoản nợ, thu thập tài liệu liên quan đến khoản nợ.***

***2. Tòa án xem xét, quyết định đưa người được thi hành án theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật hoặc người được doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết phá sản theo quy định tại Điều 61 của Luật này vào danh sách chủ nợ.***

***3. Danh sách chủ nợ, người mắc nợ phải ghi rõ tên, địa chỉ, số nợ của mỗi chủ nợ, người mắc nợ, khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn và các thông tin cần thiết khác.***

***4. Danh sách chủ nợ, người mắc nợ phải được công khai theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.***

***5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án công khai danh sách, người tham gia thủ tục phá sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đề nghị Thẩm phán xem xét lại danh sách chủ nợ, người mắc nợ. Thẩm phán có thể triệu tập các bên liên quan xem xét, giải quyết đề nghị, nếu thấy đề nghị có căn cứ thì sửa đổi, bổ sung vào danh sách chủ nợ, người mắc nợ.***

**Điều 118. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 47)**

1. Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh, nhưng phải chịu sự giám sát của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ***và Ban đại diện chủ nợ***.

2. Trường hợp xét thấy người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã không có khả năng điều hành, doanh nghiệp, hợp tác xã có dấu hiệu vi phạm khoản 1 Điều 119 của Luật này thì Thẩm phán ra quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã đó theo đề nghị của ***Ban đại diện chủ nợ***, Hội nghị chủ nợ hoặc Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ***hoặc người quy định tại*** ***điểm b*** ***khoản 2 Điều 104 của Luật này***.

**Điều 119. Hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã bị cấm sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 48)**

1. Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, cấm doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các hoạt động sau:

a) Cất giấu, tẩu tán, tặng cho tài sản;

b) Thanh toán khoản nợ không có bảo đảm, trừ khoản nợ không có bảo đảm phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại điểm c khoản 1 Điều 120 của Luật này;

c) Từ bỏ quyền đòi nợ;

d) Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này là vô hiệu và xử lý theo quy định tại Điều 49 của Luật này.

**Điều 120. Giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 49)**

1. Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã phải báo cáo Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trước khi thực hiện các hoạt động sau:

a) Hoạt động liên quan đến việc vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản; bán, chuyển đổi cổ phần; chuyển quyền sở hữu tài sản;

b) Chấm dứt thực hiện hợp đồng có hiệu lực;

c) Thanh toán khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản; trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm trả lời cho doanh nghiệp, hợp tác xã việc được thực hiện hoặc không được thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này và phải chịu trách nhiệm về việc trả lời của mình. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải báo cáo Thẩm phán về nội dung trả lời của mình.

3. Các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện mà không có sự đồng ý của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì bị đình chỉ thực hiện, khôi phục lại tình trạng ban đầu và giải quyết hậu quả theo quy định của pháp luật.

**Mục 3**

**HỘI NGHỊ CHỦ NỢ**

**Điều 121. Triệu tập và gửi thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ (Giữ nguyên Điều 75)**

1. Thời hạn Thẩm phán triệu tập Hội nghị chủ nợ là 20 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm kê tài sản trong trường hợp việc kiểm kê tài sản kết thúc sau việc lập danh sách chủ nợ hoặc kể từ ngày kết thúc việc lập danh sách chủ nợ trong trường hợp việc kiểm kê tài sản kết thúc trước việc lập danh sách chủ nợ trừ trường hợp không phải tổ chức Hội nghị chủ nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 143 của Luật này.

2. Thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ và tài liệu khác có liên quan phải được gửi cho người có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ và người có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ quy định tại Điều 92 và Điều 93 của Luật này, chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc Hội nghị. Giấy triệu tập Hội nghị chủ nợ phải ghi rõ thời gian và địa điểm tổ chức Hội nghị chủ nợ, chương trình, nội dung Hội nghị chủ nợ.

**Điều** **122.** **Điều** **kiện** **hợp** **lệ** **của** **Hội** **nghị** **chủ** **nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 79)**

Có số chủ nợ tham gia đại diện cho ***ít nhất 65%*** số nợ không có bảo đảm

**Điều 123. Họp Hội nghị chủ nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 80)**

***1. Nguyên tắc tiến hành, quyền, nghĩa vụ tham gia, hoãn Hội nghị chủ nợ thực hiện theo quy định tại các điều 90, 92, 93 và 96 của Luật này.***

***2. Trường hợp triệu tập lại Hội nghị chủ nợ sau khi hoãn mà vẫn không đáp ứng quy định tại Điều 119 của Luật này thì Quản tài viên lập biên bản và Tòa án quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***3. Nhiệm vụ quyền hạn của Hội nghị chủ nợ:***

***a) Thông qua thỏa thuận thương lượng theo quy định của Luật này;***

***b) Đề nghị áp dụng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 104 của Luật này hoặc tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.***

***c) Thông qua phương án phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***d) Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 91 của Luật này.***

4. Hội nghị chủ nợ được tiến hành như sau:

a) Thẩm phán được phân công phụ trách khai mạc Hội nghị chủ nợ;

b) Hội nghị chủ nợ biểu quyết thông qua việc cử Thư ký Hội nghị chủ nợ theo đề xuất của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để ghi biên bản Hội nghị chủ nợ;

c) Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia Hội nghị chủ nợ theo thông báo triệu tập của Tòa án nhân dân, lý do vắng mặt và kiểm tra căn cước của người tham gia Hội nghị chủ nợ;

d) Thẩm phán thông báo với Hội nghị chủ nợ về những người tham gia Hội nghị chủ nợ và nội dung việc giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;

đ) Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thông báo cho Hội nghị chủ nợ về tình hình kinh doanh, thực trạng tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán; kết quả kiểm kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ và các nội dung khác nếu xét thấy cần thiết;

e) Chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã trình bày ý kiến về nội dung do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã thông báo cho Hội nghị, đề xuất phương án, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh, khả năng và thời hạn thanh toán nợ;

g) Chủ nợ hoặc người đại diện hợp pháp của chủ nợ trình bày về những vấn đề cụ thể yêu cầu giải quyết, lý do, mục đích và căn cứ của việc yêu cầu giải quyết phá sản;

h) Người có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của họ trong việc giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản;

i) Người làm chứng trình bày ý kiến; người giám định, đại diện cơ quan thẩm định giá trình bày kết luận giám định, kết quả định giá; người thực hiện biện pháp bổ trợ tư pháp khác giải thích những vấn đề còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn;

k) Trường hợp có người vắng mặt thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cho công bố ý kiến bằng văn bản, tài liệu, chứng cứ do người đó cung cấp;

l) Hội nghị chủ nợ thảo luận về các nội dung do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã thông báo và ý kiến của những người tham gia Hội nghị chủ nợ;

m) Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia Hội nghị chủ nợ có quyền đề nghị Thẩm phán ra quyết định thay người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán;

n) Các chủ nợ có quyền thành lập Ban đại diện chủ nợ.

5. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua khi:

***Phương án 1:***

***Có số chủ nợ tham gia đại diện cho ít nhất 65% số nợ không có bảo đảm biểu quyết tán thành.***

**Phương án 2:** (Giữ nguyên hiện hành)

Có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành.

6. Trường hợp Hội nghị chủ nợ thông qua nghị quyết có nội dung áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh thì việc xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, hội nghị chủ nợ và thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Chương II của Luật này.

7. Hội nghị chủ nợ không thông qua được Nghị quyết theo khoản 5 Điều này thì Tòa án ***quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.***

8. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức Hội nghị chủ nợ, Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản gửi Nghị quyết Hội nghị chủ nợ cho Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền và người có quyền, nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ.

**Điều 124. Đề nghị, kiến nghị xem xét lại** **và giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 85)**

1. Trường hợp không đồng ý với Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ có quyền gửi đơn đề nghị, Viện kiểm sát nhân dân ***có thẩm quyền*** có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản*** đang giải quyết phá sản xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ.

2. Văn bản đề nghị, kiến nghị có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ của người đề nghị, Viện kiểm sát kiến nghị;

b) Nội dung đề nghị, kiến nghị.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, kiến nghị, Chánh án Tòa án nhân dân ***chuyên biệt Phá sản*** đang giải quyết phá sản xem xét và ra một trong các quyết định sau:

a) Không chấp nhận đề nghị, kiến nghị;

b) Tổ chức lại Hội nghị chủ nợ.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định, quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân ***có thẩm quyền*** và người có quyền, nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ.

5. Quyết định giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều này là quyết định cuối cùng.

**Điều 125. Đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 86)**

1. Kể từ ngày Tòa án nhân dân ***chuyên biệt phá sản*** ra quyết định mở thủ tục phá sản đến trước ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán thì Tòa án nhân dân ***chuyên biệt phá sản*** ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản.

2. Quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản phải được gửi cho những người được thông báo quyết định mở thủ tục phá sản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, người tham gia thủ tục phá sản có quyền đề nghị xem xét lại, Viện kiểm sát nhân dân ***có thẩm quyền*** có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân ***chuyên biệt phá sản*** đang giải quyết thủ tục phá sản về quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản.

***3. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản thì tiền tạm ứng chi phí phá sản được xử lý theo quy định tại Điều 39 của Luật này.***

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xem xét lại, kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này, Chánh án Tòa án nhân dân ***chuyên biệt phá sản*** đang giải quyết thủ tục phá sản phải xem xét, giải quyết kiến nghị, đề nghị xem xét lại quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản và ra một trong các quyết định sau:

a) Giữ nguyên quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản;

b) Hủy quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản và giao cho Thẩm phán tiến hành giải quyết phá sản.

5. Quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản phải gửi cho những người được thông báo quyết định mở thủ tục phá sản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

**Mục 4**

**TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN**

**Điều 126. Quyết định tuyên bố phá sản khi Hội nghị chủ nợ không thành (Sửa đổi, bổ sung Điều 106)**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả họp Hội nghị chủ nợ và ***các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã đã được Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản giải quyết xong*** thì Tòa án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 123 và khoản 7 Điều 123 của Luật này.

**Điều 127. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản sau khi có Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ (Sửa đổi, bổ sung Điều 107)**

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có nội dung kết luận đề nghị tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và ***các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã đã được Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản giải quyết xong*** thì Tòa án xem xét quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

2. Sau khi Hội nghị chủ nợ thông qua nghị quyết có nội dung áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì Tòa án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã không xây dựng được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật này;

b) Hội nghị chủ nợ không thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

**Điều 128. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 108)**

1. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) ***Thông tin về Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản, Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản;***

***b) Thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản;***

c) Căn cứ của việc tuyên bố phá sản;

d) Chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản; đình chỉ giao dịch liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã; chấm dứt thực hiện nghĩa vụ tính lãi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; giải quyết hậu quả của giao dịch bị đình chỉ; tuyên bố giao dịch vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu; chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động, giải quyết quyền lợi của người lao động;

đ) Chấm dứt quyền hạn của đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã;

***e) Thu hồi nợ và xử lý đối với tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh;***

***g) Chỉ định người thực hiện công việc kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán;***

***h)*** Thanh lý tài sản và bán đấu giá tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã;

***i)*** Phương án phân chia giá trị tài sản trước và sau khi tuyên bố phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã theo thứ tự phân chia tài sản quy định tại Điều 42 của Luật này;

***k)*** Cấm đảm nhiệm chức vụ sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản theo quy định tại Điều 179 của Luật này;

***l)*** Giải quyết vấn đề khác theo quy định pháp luật.

***m) Các thông tin khác mà Tòa án xét thấy cần thiết.***

2. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định.

***3. Sau khi ban hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì không được sửa chữa, bổ sung, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai.***

***a) Trường hợp này thì Thẩm phán phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung và gửi ngay cho người tham gia phá sản, Viện kiểm sát cùng cấp và cơ quan thi hành án dân sự nếu quyết định tuyên bố phá sản đã được gửi cho cơ quan thi hành án dân sự.***

***b) Trường hợp Thẩm phán ban hành quyết định tuyên bố phá sản không còn đảm nhiệm chức vụ Thẩm phán tại Tòa án đã ra quyết định thì Chánh án Tòa án thực hiện việc sửa chữa, bổ sung quyết định tuyên bố phá sản.***

**Điều 129. Sửa chữa, bổ sung quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Mới)**

1. Sau khi ban hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì không được sửa chữa, bổ sung, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai.

2. Trường hợp cần sửa chữa, bổ sung quyết định tuyên bố phá sản theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Thẩm phán phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung và gửi ngay cho người tham gia phá sản, Viện kiểm sát cùng cấp và cơ quan thi hành án dân sự nếu quyết định tuyên bố phá sản đã được gửi cho cơ quan thi hành án dân sự.

3. Trường hợp Thẩm phán ban hành quyết định tuyên bố phá sản không còn đảm nhiệm chức vụ Thẩm phán tại Tòa án đã ra quyết định thì Chánh án Tòa án thực hiện việc sửa chữa, bổ sung quyết định tuyên bố phá sản.

**Điều 130. Gửi và thông báo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 109)**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, Tòa án phải thông báo theo quy định tại ***khoản 1 Điều 113 của Luật này***; đồng thời gửi trích lục tuyên bố phá sản trong trường hợp quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, Tòa án phải gửi quyết định cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xoá tên doanh nghiệp, hợp tác xã trong sổ đăng ký kinh doanh; trong trường hợp Tòa án tối cao ra quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị theo quy định tại Điều 134 của Luật này thì thời hạn có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định.

**Điều 131. Nghĩa vụ về tài sản sau khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Giữ nguyên Điều 110)**

1. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản quy định tại các Điều 127, 128 và khoản 2 Điều 143 của Luật này không miễn trừ nghĩa vụ về tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh đối với chủ nợ chưa được thanh toán nợ, trừ trường hợp người tham gia thủ tục phá sản có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Nghĩa vụ về tài sản phát sinh sau khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được giải quyết theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 132. Đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 111)**

1. Những người được thông báo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật này có quyền đề nghị xem xét lại, ***Viện kiểm sát có thẩm quyền*** có quyền kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

2. Thời hạn đề nghị xem xét lại, kháng nghị là 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc được thông báo hợp lệ quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản đã ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản phải gửi hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị, kháng nghị cho Tòa án nhân dân cấp caođể xem xét, giải quyết.

**Điều 133. Giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (sửa đổi Điều 112)**

1. Ngay sau khi nhận được hồ sơ về phá sản kèm theo đơn đề nghị, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp caochỉ định một tổ gồm 03 Thẩm phán xem xét, giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và gửi hồ sơ vụ việc phá sản cho ***Viện kiểm sát có thẩm quyền*** .

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản do Tòa án chuyển đến, ***Viện kiểm sát có thẩm quyền*** phải trả lại hồ sơ cho Tòa án.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị, kháng nghị, Tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp và ra một trong các quyết định sau:

a) Không chấp nhận đơn đề nghị, kháng nghị và giữ nguyên quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

b) Sửa quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

c) Huỷ quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản có thẩm quyền giải quyết lại.

4. Phiên họp của Tổ Thẩm phán có Viện kiểm sát tham gia và có Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp; trường hợp cần thiết, Tòa án triệu tập người đề nghị, người khác có liên quan tham gia phiên họp để trình bày ý kiến.

5. Quyết định giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị của Tòa án nhân dân cấp caocó hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 134. Xem xét đơn đề nghị, kiến nghị theo thủ tục đặc biệt (sửa đổi Điều 113)**

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân cấp caora quyết định giải quyết ***đơn*** đề nghị, kiến nghị theo Điều 133 của Luật này mà có đơn đề nghị xem xét lại của người tham gia thủ tục phá sản, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc kiến nghị của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại quyết định đó khi có một trong các căn cứ sau:

a) Có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về phá sản;

b) Phát hiện tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định tuyên bố phá sản mà Tòa án, người tham gia thủ tục phá sản không thể biết được khi Tòa án ra quyết định.

***c) Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản chưa được thi hành xong mà phát sinh yêu cầu của chủ nợ quy định tại khoản 3 Điều 115 của Luật này, phát sinh tài sản theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 173 của Luật này.***

2. Trường hợp có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu Tòa án đã ra quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị theo Điều 128 của Luật này chuyển hồ sơ vụ việc phá sản cho Tòa án nhân dân tối cao để xem xét giải quyết.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, kiến nghị, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có quyền ra một trong các quyết định sau:

a) Không chấp nhận đề nghị xem xét lại, kiến nghị và giữ nguyên quyết định của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản;

b) Huỷ quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản***,*** quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị của Tòa án nhân dân cấp caovà giao hồ sơ về phá sản cho Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản giải quyết lại.

4. Quyết định giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

**Chương V**

**THỦ TỤC PHỤC HỒI, PHÁ SẢN RÚT GỌN**

**Mục 1**

**THỦ TỤC PHỤC HỒI RÚT GỌN**

**Điều 135. Nguyên tắc áp dụng thủ tục phục hồi rút gọn**

***Thủ tục phục hồi rút gọn được thực hiện theo quy định tại Chương này. Những nội dung không quy định tại Chương này thì áp dụng theo quy định tương ứng của Luật này.***

**Điều 136. Điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi rút gọn (Mới)**

***Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, Thẩm phán phải xem xét, quyết định áp dụng thủ tục phục hồi rút gọn khi doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc một trong các trường hợp sau đây:***

***- Phương án 1: (1) Doanh nghiệp, hợp tác xã nhỏ, siêu nhỏ và có dưới 20 chủ nợ không có bảo đảm hoặc (2) doanh nghiệp, hợp tác xã nhỏ, siêu nhỏ và có tổng các khoản nợ phải thanh toán không lớn (dưới 10 tỷ đồng).***

***- Phương án 2: (1) Doanh nghiệp, hợp tác xã có dưới 10 chủ nợ không có bảo đảm và có dưới 200 người lao động hoặc (2) doanh nghiệp, hợp tác xã nhỏ, siêu nhỏ được xem xét áp dụng thủ tục phục hồi rút gọn.***

**Điều 137. Trình tự, thủ tục phục hồi rút gọn (Mới)**

***1. Thời hạn thực hiện các thủ tục trong phục hồi rút gọn bằng ½ thời hạn thực hiện thủ tục tương ứng trong phục hồi thông thường.***

***2. Trừ trường hợp có yêu cầu của người tham gia thủ tục phục hồi rút gọn, Tòa án không chỉ định Quản tài viên trong thủ tục phục hồi rút gọn.***

**Điều 138. Hội nghị chủ nợ trong thủ tục phục hồi rút gọn (Mới)**

***1. Sau khi xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp gửi cho các chủ nợ và thông báo cho Tòa án biết. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày gửi, Tòa án có trách nhiệm tổ chức hội nghị chủ nợ.***

***2. Hội nghị chủ nợ trong thủ tục phục hồi rút gọn hợp lệ khi có số chủ nợ tham gia đại diện cho từ 51% trở lên tổng số nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã .***

**3**. ***Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua khi được tổng số chủ nợ đại diện cho từ 51% trở lên tổng số nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã tán thành.***

***4. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh phải có nội dung cử đại diện chủ nợ để giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.***

**Điều 139. Chuyển đổi thủ tục phục hồi rút gọn**

***Trong khi tiến hành phục hồi theo thủ tục rút gọn, nếu có căn cứ xác định vụ việc không còn đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn thì Tòa án ra quyết định chuyển thủ tục phục hồi sang giải quyết theo thủ tục thông thường.***

**Mục 2**

**THỦ TỤC PHÁ SẢN RÚT GỌN**

**Điều 140. Điều kiện áp dụng thủ tục phá sản rút gọn (Mới)**

***Trong quá trình giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản, Thẩm phán xem xét áp dụng thủ tục phá sản rút gọn khi doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc một trong các trường hợp sau:***

***1.***

***- Phương án 1: (1) Doanh nghiệp, hợp tác xã nhỏ, siêu nhỏ và có dưới 20 chủ nợ không có bảo đảm hoặc (2) doanh nghiệp, hợp tác xã nhỏ, siêu nhỏ và có tổng các khoản nợ phải thanh toán không lớn (dưới 10 tỷ đồng).***

***- Phương án 2: (1) Doanh nghiệp, hợp tác xã có dưới 10 chủ nợ không có bảo đảm và có dưới 200 người lao động hoặc (2) doanh nghiệp, hợp tác xã nhỏ, siêu nhỏ được xem xét áp dụng thủ tục phục hồi rút gọn.***

***2. Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán không còn tài sản để nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này***

***3. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán không còn tài sản để thanh toán chi phí phá sản.***

***4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được Bộ Tài chính ban hành văn bản chấm dứt áp dụng biện pháp kiểm soát theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm.***

**Điều 141. Thời hạn giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn (Mới)**

***Thời hạn thực hiện các thủ tục trong phá sản rút gọn bằng ½ thời hạn thực hiện thủ tục tương ứng trong phá sản thông thường.***

**Điều 142. Hội nghị chủ nợ trong thủ tục phá sản rút gọn (Mới)**

***1. Hội nghị chủ nợ trong thủ tục phá sản rút gọn hợp lệ khi có số chủ nợ tham gia đại diện cho 51% tổng số nợ không có bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã .***

***2. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua khi có số chủ nợ tham gia đại diện cho ít nhất 51% số nợ không có bảo đảm biểu quyết tán thành.***

**Điều 143. Thủ tục phá sản rút gọn trong một số trường hợp đặc biệt (Sửa đổi, bổ sung Điều 105)**

***1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Thẩm phán phải xem xét, quyết định áp dụng thủ tục phá sản rút gọn khi doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 140 của Luật này.***

***2. Trong thời hạn 30 ngày thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì Tòa án xem xét, tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc một trong các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 140 của Luật này.***

***3. Trường hợp Tòa án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định tại khoản 3 Điều 140 của Luật này thì người nộp đơn không được hoàn lại lệ phí phá sản, tiền tạm ứng chi phí phá sản đã nộp.***

**Chương VI**

**THỦ TỤC PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**Điều 144. Áp dụng quy định về thủ tục phá sản tổ chức tín dụng (Sửa đổi, bổ sung Điều 97)**

Thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Chương này. Những nội dung không quy định tại Chương này thì áp dụng theo quy định tương ứng của Luật này, trừ quy định tại Chương II, Mục 3 Chương III và Chương IV của Luật này.

**Điều 145. Quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 98)**

Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt ***áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán*** mà tổ chức tín dụng vẫn mất khả năng thanh toán thì những người sau đây có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản:

1. Người quy định tại các điểm a, b, đ, e khoản 1 Điều 105 của Luật này;

2. Tổ chức tín dụng có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

**Điều 146. Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng (Sửa đổi, bổ sung Điều 99)**

Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng khi đã có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc văn bản chấm dứt áp dụng ***biện pháp phục hồi khả năng thanh toán*** của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà tổ chức tín dụng vẫn mất khả năng thanh toán.

**Điều 147. Hoàn trả khoản vay đặc biệt (Sửa đổi, bổ sung Điều 100)**

Tổ chức tín dụng được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ***tổ chức bảo hiểm tiền gửi,*** tổ chức tín dụng khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng mà bị tuyên bố phá sản thì phải hoàn trả khoản vay đặc biệt này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ***tổ chức bảo hiểm tiền gửi,*** tổ chức tín dụng khác trước khi thực hiện việc phân chia tài sản theo quy định tại Điều 148 của Luật này.

**Điều 148. Thứ tự phân chia tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 101)**

1. Việc phân chia giá trị tài sản của tổ chức tín dụng thực hiện theo thứ tự như sau:

a) Chi phí phá sản;

b) Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể đã ký kết;

c) Khoản tiền gửi ***sau khi trừ đi số tiền đã được tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi chả cho người gửi tiền***; khoản tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả cho người gửi tiền tại tổ chức tín dụng phá sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

2. Trường hợp giá trị tài sản của tổ chức tín dụng sau khi đã thanh toán đủ khoản nợ quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần còn lại này thuộc về:

a) Thành viên của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

c) Thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; cổ đông của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần.

3. Trường hợp giá trị tài sản không đủ để thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này thì các đối tượng thuộc cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

**Điều 149. Trả lại tài sản nhận ủy thác, nhận giữ hộ khi tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản và thanh lý tài sản phá sản (****Giữ nguyên Điều 102)**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản, chủ sở hữu tài sản ủy thác cho tổ chức tín dụng, gửi tổ chức tín dụng giữ hộ, giao tổ chức tín dụng quản lý thông qua hợp đồng ủy thác, giữ hộ, quản lý tài sản phải xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu và hồ sơ, giấy tờ liên quan với cơ quan thi hành án dân sự để nhận lại tài sản của mình.

**Điều 150. Giao dịch của tổ chức tín dụng trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt (Giữ nguyên Điều 103)**

Giao dịch của tổ chức tín dụng thực hiện trong giai đoạn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng biện pháp kiểm soát đặc biệt hoặc áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán dưới sự kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ không áp dụng quy định về giao dịch vô hiệu quy định tại Điều 48 của Luật này.

**Điều 151. Quyết định tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 104)**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản lập xong danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, bảng kê tài sản của tổ chức tín dụng, Tòa án ra quyết định tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản.

**Chương VII**

**YÊU CẦU NƯỚC NGOÀI HỖ TRỢ VỤ VIỆC PHÁ SẢN**

**Điều 152. Yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hỗ trợ vụ việc phá sản (sửa đổi Điều 117 phù hợp với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự)**

1. Trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài, ***Tòa án Việt Nam*** ***yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài*** ***hỗ trợ giải quyết*** theo ***điều ước quốc tế*** mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

2. Trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài, ***Tòa án Việt Nam có thể yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài*** ***hỗ trợ giải quyết trong các trường hợp sau:***

***a) Xác minh, kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***b) Định giá, biện pháp khác để xác định tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***c) Thanh lý, thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***d) Yêu cầu người mắc nợ ở nước ngoài trả nợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***đ) Yêu cầu khác mà Thẩm phán, Quản tài viên thấy cần thiết trong giải quyết vụ việc phá sản.***

3. Thủ tục ***yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hỗ trợ giải quyết vụ việc phá sản*** ***được thực hiện theo quy định của*** pháp luật tương trợ tư pháp ***và pháp luật của nước được yêu cầu***, ***trừ trường hợp Luật này có quy định khác.***

**Điều 153. Đại diện vụ việc phá sản Việt Nam ở nước ngoài (mới)**

***1. Trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài, Tòa án Việt Nam có thể ra quyết định chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản làm đại diện vụ việc phá sản Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện các thủ tục liên quan đến vụ việc phá sản đó.***

***2. Đại diện vụ việc phá sản Việt Nam ở nước ngoài có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:***

***a) Yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hỗ trợ để giải quyết vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài mà Tòa án Việt Nam đang giải quyết; tiếp nhận và thực hiện các hoạt động do Tòa án nước ngoài hỗ trợ;***

***b) Yêu cầu Tòa án nước ngoài công nhận và cho thi hành các quyết định về phá sản do Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam ban hành.***

***3. Phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện phá sản Việt Nam trong từng vụ việc phá sản do Tòa án có thẩm quyền quyết định.***

**Chương VIII**

**HỖ TRỢ VỤ VIỆC PHÁ SẢN NƯỚC NGOÀI**

**Điều 154. Phạm vi hỗ trợ vụ việc phá sản nước ngoài (Mới)**

***Tòa án Việt Nam hỗ trợ vụ việc phá sản nước ngoài trong các trường hợp sau đây:***

***1. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài yêu cầu Tòa án Việt Nam hỗ trợ để giải quyết vụ việc phá sản nước ngoài.***

***2. Đại diện phá sản nước ngoài ở Việt Nam yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận quyền đại diện chủ nợ, người mắc nợ để yêu cầu, tham gia vụ việc phá sản do Tòa án Việt Nam giải quyết.***

**Điều 155. Thẩm quyền hỗ trợ thủ tục phá sản nước ngoài (Mới)**

***1. Tòa án nhân dân chuyên biệt phá sản nơi thực hiện thủ tục hỗ trợ có thẩm quyền giải quyết yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 154 của Luật này.***

***2. Tòa án nhân dân chuyên biệt phá sản giải quyết vụ việc phá sản quy định tại Điều 7 của Luật này có thẩm quyền giải quyết yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 154 của Luật này.***

**Điều 156.** **Giải quyết** **yêu cầu hỗ trợ thủ tục phá sản nước ngoài (Mới)**

***1. Tòa án nước ngoài, đại diện phá sản nước ngoài ở Việt Nam yêu cầu hỗ trợ theo quy định tại Điều 154 của Luật này phải nộp cho Tòa án có thẩm quyền văn bản yêu cầu, các tài liệu kèm theo và phải nộp lệ phí yêu cầu hỗ trợ, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật Việt Nam.***

***2. Lệ phí yêu cầu hỗ trợ vụ việc phá sản nước ngoài do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.***

***3. Việc giải quyết yêu cầu hỗ trợ thủ tục phá sản nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng.***

**Điều 157. Hỗ trợ thủ tục phá sản nước ngoài (Mới)**

***1. Theo yêu cầu của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, đại diện phá sản nước ngoài ở Việt Nam và xem xét quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, Tòa án Việt Nam xem xét, ban hành một trong các quyết định sau đây:***

***a) Xác minh, kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***b) Định giá, biện pháp khác để xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***c) Thanh lý, thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***d) Yêu cầu người mắc nợ ở nước ngoài trả nợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã;***

***đ) Yêu cầu khác mà Thẩm phán, Quản tài viên thấy cần thiết trong giải quyết vụ việc phá sản.***

***2. Tòa án phải từ chối yêu cầu hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu việc yêu cầu hỗ trợ thuộc một trong các trường hợp sau đây:***

***a) Người yêu cầu hỗ trợ không nộp tạm ứng chi phí do Tòa án quy định;***

***b) Không nộp đủ giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của Tòa án hoặc tài liệu, giấy tờ không đủ để xác định yêu cầu hỗ trợ là hợp pháp;***

***c) Yêu cầu hỗ trợ trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia của Việt Nam hoặc lợi ích công cộng; ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ nợ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.***

**Chương IX**

**THỦ TỤC CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH VỀ PHÁ SẢN CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI**

**Điều 158.** **Bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam (Mới)**

***Bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam là bản án, quyết định về phá sản đã có hiệu lực pháp luật do Tòa án, cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài ban hành liên quan đến tài sản của cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp*** ***điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.***

**Điều 159. Quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài (Mới)**

***Đại diện phá sản nước ngoài ở Việt Nam hoặc người có thẩm quyền thi hành theo luật của nước ban hành bản án, quyết định về phá sản có quyền yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài nếu người phải thi hành cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc cơ quan, tổ chức phải thi hành có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài có tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu.***

**Điều 160. Thẩm quyền của Tòa án (Mới)**

***Tòa án chuyên biệt về phá sản nơi người phải thi hành phán quyết liên quan đến phá sản của Tòa án nước ngoài cư trú, làm việc, nếu người phải thi hành án là cá nhân hoặc nơi người phải thi hành án có trụ sở, nếu người phải thi hành án là cơ quan, tổ chức hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành phán quyết liên quan đến phá sản của Tòa án nước ngoài có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc không công nhận phán quyết liên quan đến phá sản của Tòa án nước ngoài.***

**Điều 161. Quyền kháng cáo, kháng nghị (Mới)**

***Người yêu cầu và người phải thi hành có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có thẩm quyền*** ***có quyền kháng nghị quyết định của Tòa án công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xét lại theo quy định của Bộ luật này.***

**Điều 162. Áp dụng pháp luật để công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài (Mới)**

***Trình tự, thủ tục công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài không được quy định tại Chương này thì áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.***

**Điều 163. Các trường hợp từ chối yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài (Mới)**

***Yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài bị từ chối khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:***

***1. Người phải thi hành bản án, quyết định:***

***a) Không được thông báo đầy đủ và kịp thời về việc vụ việc phá sản, trừ trường hợp người phải thi hành biết mà không phản đối theo quy định của pháp luật nước nơi ban hành bản án, quyết định về phá sản.***

***b) Không được cấp, tống đạt, thông báo văn bản hợp lệ theo quy định của nước ban hành bản án, quyết định về phá sản.***

***2. Bản án, quyết định về phá sản được ban hành có sự gian dối;***

***3. Bản án, quyết định về phá sản mâu thuẫn với bản án, quyết định đã được ban hành tại Việt Nam trong một vụ tranh chấp liên quan đến các bên trong vụ việc phá sản;***

***4. Bản án, quyết định về phá sản mâu thuẫn với bản án, quyết định có hiệu lực được ban hành trước đó tại một quốc gia khác trong một vụ tranh chấp liên quan đến các bên về cùng một quan hệ tranh chấp mà bản án, quyết định trước đó đáp ứng các điều kiện để được công nhận và thi hành tại Việt Nam;***

***5. Bản án, quyết định về phá sản xâm phạm nghiêm trọng tới quyền của các chủ nợ, người mắc nợ, người có quyền và lợi ích liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản;***

***7. Việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định về phá sản của Tòa án nước ngoài tại Việt Nam trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; làm phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia của Việt Nam hoặc lợi ích công cộng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ nợ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.***

***8. Bản án, quyết định về phá sản đang được xem xét lại tại nước ban hành hoặc thời hạn để yêu cầu xem xét theo thủ tục thông thường tại nước đó vẫn chưa hết hiệu lực.***

**Chương X**

**THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ   
DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN**

**Điều 164. Áp dụng pháp luật trong việc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Mới)**

***Việc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được thực hiện theo quy định tại Chương này, trường hợp không có quy định tại Chương này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.***

**Điều 165. Thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản (Giữ nguyên Điều 119)**

Thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản được thực hiện theo quy định của Luật này, luật về thi hành án dân sự và quy định khác của luật có liên quan.

**Điều 166. Thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 120)**

***1. Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản chuyển giao quyết định tuyên bố phá sản cho Cơ quan thi hành án có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định tuyên bố phá sản có hiệu lực. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố phá sản, Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động ra quyết định thi hành, phân công Chấp hành viên thi hành đối với các khoản phí, lệ phí và liên quan đến tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản trong quyết định tuyên bố phá sản, thanh toán tiền thanh lý tài sản. Đối với khoản thu hồi nợ cho các chủ nợ trong quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành ~~án~~ khi có đơn yêu cầu.***

2. Sau khi nhận được quyết định phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Mở một tài khoản tại ngân hàng đứng tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản để gửi các khoản tiền thu hồi được của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

b) Giám sát Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện thanh lý tài sản;

c) Thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản trong vụ việc phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự;

d) Sau khi nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về kết quả thanh lý tài sản, Chấp hành viên thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

**Điều 167. Yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 121)**

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản.

2. Văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản có các nội dung chủ yếu sau:

***a) Thông tin về Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản***

***b) Thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản***

***c) Phương thức thanh lý tài sản***

3. Văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản phải được gửi cho Tòa án, Viện kiểm sát, người tham gia thủ tục phá sản.

4. Tài sản mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thực hiện được việc thanh lý ***hoặc chỉ thanh lý được một phần tài sản*** sau 02 năm kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải chấm dứt việc thanh lý tài sản và bàn giao toàn bộ giấy tờ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản cho cơ quan thi hành án dân sự xử lý, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật.

***Trường hợp trong thời hạn 02 năm***, ***Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thực hiện được việc thanh lý thì Thẩm phán quyết định chuyển giao việc thanh lý tài sản cho Cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục thực hiện việc thanh lý tài sản.***

**Điều 168. Định giá tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 122)**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ***nhận được văn bản yêu cầu thực hiện việc thanh lý tài sản***, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải tổ chức định giá tài sản theo quy định của pháp luật ***trừ trường hợp tài sản cần định giá ở nước ngoài.***

Khi ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không được ký hợp đồng thẩm định giá với cá nhân, tổ chức mà mình có quyền, lợi ích liên quan.

2. Trường hợp tài sản thanh lý có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản xác định giá trị tài sản và thanh lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 169. Định giá lại tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 123)**

1. Việc định giá lại tài sản được thực hiện khi có vi phạm quy định tại Điều 168 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản.

2. Thẩm phán quyết định định giá lại đối với trường hợp bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật này. Chấp hành viên quyết định định giá lại đối với trường hợp thanh lý tài sản.

**Điều 170. Bán tài sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 124)**

1. Tài sản được bán theo các hình thức sau:

a) Bán đấu giá;

b) Bán không qua thủ tục đấu giá.

2. Việc bán đấu giá đối với tài sản là động sản có giá trị từ trên 10.000.000 đồng và bất động sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền thoả thuận với tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày định giá. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá.

Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thoả thuận được thì Chấp hành viên lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản.

Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thẩm định giá.

Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản ***trừ trường hợp tài sản cần bán đấu giá ở nước ngoài.***

3. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bán đấu giá tài sản thanh lý trong các trường hợp sau:

***a) Tổ chức bán đấu giá từ chối ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản;***

b) Động sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

***Việc đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.***

4. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bán không qua thủ tục bán đấu giá đối với tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng hoặc tài sản quy định tại khoản 2 Điều 168 của Luật này.

Việc bán tài sản phải được thực hiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản hoặc quyết định bán tài sản.

5. Thủ tục bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

***6. Trường hợp bán đấu giá tài sản lần đầu không thành thì chấp hành viên quyết định giảm giá tài sản để tiếp tục bán đấu giá. Từ sau lần giảm giá thứ hai trở đi mà không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành thì người được phân chia tài sản theo thứ tự phân chia tài sản theo quyết định của Tòa án có quyền được nhận tài sản bán đấu giá. Trường hợp không có người nhận tài sản bán đấu giá thì chấp hành viên thanh lý tài sản theo giá thỏa thuận hoặc thực hiện việc tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật.***

***Trường hợp có nhiều người nhận tài sản thì tài sản sẽ được thanh lý cho người trả giá cao nhất hoặc theo thỏa thuận của họ hoặc tài sản bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật.***

***7. Người trúng đấu giá tài sản gắn liền với đất được ưu tiên tiếp tục được nhà nước giao đất cho sử dụng theo đúng mục đích giao đất ban đầu. Trường hợp nhà nước giao quyền sử dụng đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đó có nghĩa vụ thanh toán cho người trúng đấu giá giá trị tài sản gắn liền với đất.***

***8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được nhà nước giao quyền sử dụng đất là tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ thanh toán cho doanh nghiệp, hợp tác xã giá trị tài sản gắn liền với đất.***

**Điều 171. Thu hồi lại tài sản trong trường hợp có vi phạm (Giữ nguyên Điều 125)**

1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Chấp hành viên đề nghị Tòa án ra quyết định thu hồi lại tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã do thực hiện giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 48 của Luật này. Việc thu hồi tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Trường hợp có tranh chấp về thu hồi lại tài sản hay phần chênh lệch giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã thì được xử lý theo quy định tại Điều 175 của Luật này.

**Điều 172. Đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản (Sửa đổi, bổ sung Điều 126)**

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quyết định đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản trong các trường hợp sau:

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản không có tài sản để thanh lý, phân chia;

2. Hoàn thành việc phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản;

3.Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự báo cáo Tòa án đã giải quyết phá sản và thông báo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan về việc ***đã thi hành xong quyết định tuyên bố phá sản.***

**Điều 173. Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phát sinh sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Giữ nguyên Điều 127)**

1. Sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản ***và trước khi kết thúc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản*** mà phát hiện giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 48 của Luật này thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu, xử lý hậu quả của giao dịch vô hiệu và phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Điều 42 của Luật này.

2. Sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản ***và trước khi kết thúc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản*** mà phát hiện tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã chưa chia thì Tòa án đã tuyên bố phá sản xem xét và quyết định phân chia tài sản theo quy định tại Điều 42 của Luật này.

3. Cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thực hiện quyết định phân chia tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 174. Giải quyết khiếu nại việc thi hành Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Giữ nguyên Điều 128)**

Việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại về việc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được thực hiện theo pháp luật về thi hành án dân sự.

**Điều 175. Xử lý trường hợp có tranh chấp tài sản trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Giữ nguyên Điều 115)**

1. Quá trình thực hiện việc thanh lý tài sản theo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản mà có tranh chấp hoặc không thể thi hành được thì Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản đề nghị Tòa án đã giải quyết vụ việc phá sản xem xét.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản, Tòa án phải xem xét ra một trong các văn bản sau:

a) Văn bản trả lời không chấp nhận đề nghị của Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản;

b) Chuyển đơn đề nghị đến người có thẩm quyền để xem xét kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản không đồng ý với văn bản trả lời quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì có quyền đề nghị người có thẩm quyền xem xét kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định của pháp luật.

4. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia giải quyết tranh chấp về tài sản.

**Chương XI**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN, CÁC HÀNH VI**

**BỊ NGHIÊM CẤM, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT**

**KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC PHÁ SẢN**

**Điều 176. Trách nhiệm của một số cơ quan trong thủ tục phục hồi, phá sản (Mới)**

***Các cơ quan có liên quan trong quá trình Tòa án giải quyết phá sản như Ngân hàng, cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm, Ủy ban nhân dân, cơ quan hải quan có trách nhiệm thi hành các quyết định của Thẩm phán phù hợp với quy định của Luật này.***

**Điều 177. Hành vi bị nghiêm cấm trong xử lý vụ việc phá sản (Mới)**

***1. Người yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản có hành vi gian dối hoặc cố ý sử dụng giấy tờ, tài liệu không chính xác, giấy tờ, tài liệu giả để yêu cầu Tòa án áp dụng thủ tục phục hồi, phá sản.***

***2. Quản tài viên thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.***

***3. Phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán nhưng không thông báo hoặc thông báo sai cho những người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định của Luật này.***

***4. Không thực hiện cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, Tòa án, Viện kiểm sát, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mà không có lý do chính đáng.***

***5. Các hành vi cản trở hoạt động giải quyết vụ việc phá sản khác.***

**Điều 178. Trách nhiệm do vi phạm pháp luật về phá sản (Giữ nguyên Điều 129)**

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp Quản tài viên, cá nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản vi phạm pháp luật hình sự thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 179. Cấm đảm nhiệm chức vụ sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản (Giữ nguyên Điều 130)**

1. Người giữ chức vụ Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ đó ở bất kỳ doanh nghiệp nhà nước nào kể từ ngày doanh nghiệp 100% vốn nhà nước bị tuyên bố phá sản.

2. Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước mà doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ quản lý ở bất kỳ doanh nghiệp nào có vốn của Nhà nước.

3. Người giữ chức vụ quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản mà cố ý vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 3 Điều 105, khoản 1 Điều 85 và khoản 1 Điều 119 của Luật này thì Thẩm phán xem xét, quyết định về việc không được quyền thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, làm người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Tòa án có quyết định tuyên bố phá sản.

4. Quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này không áp dụng trong trường hợp ***sau đây:***

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản với lý do bất khả kháng

***b) Người giữ chức vụ Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước không có trách nhiệm trong việc doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.***

**Điều 180. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong *vụ việc* phá sản (Mới)**

***1. Quyết định, hành vi trong giải quyết vụ việc phá sản có thể bị khiếu nại***

***a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định, hành vi trong giải quyết vụ việc phá sản của người tiến hành thủ tục phục hồi, phá sản khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.***

***b) Đối với quyết định mở thủ tục phục hồi, quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi, quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản nếu có đề nghị xem xét lại, kháng nghị thì không giải quyết theo quy định của Điều này mà được giải quyết theo quy định của điều tương ứng của luật này.***

***2.*** ***Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của người tiến hành thủ tục phục hồi, phá sản gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.***

***3. Chánh án Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản đang giải quyết vụ việc phá sản có thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định, hành vi trong giải quyết vụ việc phá sản của người tiến hành thủ tục phục hồi, phá sản kể từ thời điểm Tòa án nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi, phá sản cho đến khi ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.***

***4. Người tham gia thủ tục phá sản có quyền khiếu nại quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản.***

***5. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao giải quyết khiếu nại đối với quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản. Quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành ngay.***

***6. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định giải quyết khiếu nại quy định tại Điều này.***

**Chương XII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 181. Điều khoản chuyển tiếp (Sửa đổi, bổ sung Điều 131)**

1. Đối với quyết định tuyên bố phá sản được ban hành theo quy định của Luật phá sản số ***51/2014/QH13*** trước ngày Luật này có hiệu lực mà có khiếu nại, kháng nghị, đến ngày Luật này có hiệu lực chưa được giải quyết thì giải quyết theo thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 132, Điều 133, Điều 134 của Luật này.

2. Đối với yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được Tòa án thụ lý trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì áp dụng quy định của Luật này để tiếp tục giải quyết.

3. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều này.

**Điều 182. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Luật phá sản số ***51/2014/QH13*** hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

**Điều 183. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày tháng năm 2025.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**